

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
KHOA VĂN HÓA VÀ DU LỊCH

MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: DU LỊCH

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7810101

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÁNG 10 NĂM 2020



MỤC LỤC

		Trang
1	Giới thiệu chương trình đào tạo ngành Du lịch	3
2	Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Du lịch	3
3	Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sài Gòn	3
4	Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Văn hóa và Du lịch	5
5	Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs) ngành Du lịch	5
6	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) ngành Du lịch	6
7	Cơ hội việc làm, học tập và nâng cao trình độ sau tốt nghiệp ngành Du lịch	7
8	Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp ngành Du lịch	8
9	Chiến lược và phương pháp dạy học ngành Du lịch	9
10	Phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá ngành Du lịch	13
11	Hệ thống tính điểm trường Đại học Sài Gòn	20
12	Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành Du lịch	20
13	Danh sách các học phần ngành Du lịch	22
14	Ma trận đáp ứng của các học phần với chuẩn đầu ra ngành Du lịch	28
15	Kế hoạch giảng dạy ngành Du lịch	34
16	Mô tả các học phần ngành Du lịch	39

1. Giới thiệu chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Du lịch

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Du lịch là cung cấp những kiến thức liên ngành cho người học những kiến thức nền tảng của ngành Du lịch. Đồng thời, chương trình cũng trang bị cho người học những kỹ năng nghiệp vụ du lịch cơ bản và những kỹ năng bổ trợ khác giúp người học thực hiện được các công việc, phần việc kỹ năng của các nghề trong du lịch khi ra trường. Sau khi hoàn thành chương trình này, sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, lập trường vững vàng; có tinh thần trách nhiệm, cống hiến cho cộng đồng và xã hội; hiểu biết những kiến thức cơ bản về chính trị - pháp luật, kinh tế - văn hóa - xã hội và môi trường Việt Nam; nắm vững những kiến thức chuyên môn, thuần thục các kỹ năng nghiệp vụ du lịch và các kỹ năng bổ trợ khác. Từ đó, người học có khả năng thực hiện, quản lý và tổ chức các hoạt động tại các đơn vị kinh doanh thuộc lĩnh vực du lịch trong và ngoài nước; đồng thời có khả năng tự học, tự bồi dưỡng để phát triển nghề nghiệp bản thân trong môi trường cạnh tranh và bối cảnh hội nhập toàn cầu.

2. Thông tin chung về CTĐT ngành Du lịch

Bảng 1. Thông tin chung về CTĐT ngành Du lịch

1	Tên gọi	Du lịch
2	Bậc	Đại học, Bậc 6/8
3	Loại bằng	Cử nhân
4	Loại hình đào tạo	Chính quy
5	Thời gian	4,0 năm
6	Số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy	126
7	Khoa quản lý	Văn hóa và Du lịch
8	Ngôn ngữ	Tiếng Việt
9	Website	fir.sgu.edu.vn
10	Ban hành	Theo Quyết định số 2770/QĐ-ĐHSG ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn

3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sài Gòn

A. Rèn đức

Việc rèn đạo đức cho thế hệ trẻ trong đó có người học được đào tạo tại Trường Đại học Sài Gòn là vấn đề mà Nhà trường luôn quan tâm, giúp bản thân người học nhận ra giá trị đích thực của cuộc sống. Rèn đức – được hiểu là luôn có khát vọng hành động vì lợi ích của mọi người. Rèn luyện đức với cái tâm trong sáng, với lòng nhiệt thành kết

hợp và chỉ dẫn bởi cái tài, bởi năng lực thông tuệ.

B. Luyện tài

Trong thời đại ngày nay, sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước đòi hỏi những con người, những thế hệ trẻ phát huy tài năng trên tất cả các lĩnh vực, trở thành những con người có tri thức và phẩm chất đạo đức cao đẹp. Do vậy, việc luyện tài thông qua việc học trên lớp, học từ môi trường xung quanh và tự học phải luôn được đẩy mạnh và khơi dậy tinh thần hăng say miệt mài học tập với động cơ và thái độ đúng đắn, với tinh thần kiên trì và tích cực nhất để có được tay nghề cao trong công việc của mình để vươn lên làm chủ khoa học, làm chủ công nghệ là một phần trách nhiệm của ngành giáo dục nói riêng và xã hội nói chung.

C. Vững bước

Đó là sự phát triển bền vững có thể đáp ứng được nhu cầu của các bên liên quan không những ở thời điểm hiện tại mà còn trong tương lai, gắn với nghề nghiệp và đáp ứng nhu cầu xã hội. Phát triển bền vững liên quan đến sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong việc đào tạo người học có năng lực, phẩm chất cần thiết trong quá trình học tập, làm việc trước và sau khi tốt nghiệp.

D. Hội nhập

Giáo dục người học có khả năng tiếp nhận kiến thức mới, tinh hoa văn hóa trên thế giới nhằm thúc đẩy sự phát triển, tiến bộ quốc gia. Sinh viên trường Đại học Sài Gòn phải được đào tạo theo xu hướng hội nhập quốc tế là khả năng học tập và làm việc theo xu thế của lực lượng lao động hiện nay và được đánh giá theo tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế.

Triết lý giáo dục trên đây của Trường Đại học Sài Gòn được chuyển tải cụ thể vào CTĐT ngành Du lịch thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sài Gòn được chuyển tải cụ thể vào CTĐT ngành Du lịch

CTĐT ngành Du lịch		Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sài Gòn			
		A	B	C	D
Khối kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh		x		
	Kiến thức Ngoại ngữ				x
	Kiến thức Lý luận chính trị	x			

	Kiến thức giáo dục đại cương khác		X		
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Kiến thức cơ sở của ngành	X	X		
	Kiến thức ngành		X		
	Kiến thức chuyên ngành (nếu có)			X	X

4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Văn hóa và Du lịch

4.1. Tầm nhìn.

Khoa Văn hóa và Du lịch trở thành Khoa đào tạo có uy tín; người học có năng lực học tập, nghiên cứu, làm việc đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong và ngoài nước.

4.2. Sứ mạng

Khoa Văn hóa và Du lịch đào tạo nhân lực có chất lượng, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

5. Mục tiêu của CTĐT (POs) ngành Du lịch

5.1. Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Du lịch là cung cấp những kiến thức liên ngành cho người học về đất nước và con người Việt Nam, những kiến thức nền tảng của ngành Du lịch. Đồng thời, chương trình cũng trang bị cho người học những kỹ năng nghiệp vụ du lịch cơ bản và những kỹ năng bổ trợ khác giúp người học thực hiện được các công việc, phần việc kỹ năng của các nghề trong du lịch khi ra trường. Sau khi hoàn thành chương trình này, sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, lập trường vững vàng; có tinh thần trách nhiệm, cống hiến cho cộng đồng và xã hội; hiểu biết những kiến thức cơ bản về chính trị - pháp luật, kinh tế - văn hóa - xã hội và môi trường Việt Nam; nắm vững những kiến thức chuyên môn, thuần thục các kỹ năng nghiệp vụ du lịch và các kỹ năng bổ trợ khác. Từ đó, người học có khả năng thực hiện, quản lý và tổ chức các hoạt động tại các đơn vị kinh doanh thuộc lĩnh vực du lịch trong và ngoài nước; đồng thời có khả năng tự học, tự bồi dưỡng để phát triển nghề nghiệp bản thân trong môi trường cạnh tranh và bối cảnh hội nhập toàn cầu.

5.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể

- Về kiến thức:

PO1: Hình thành nền tảng vững chắc về kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở ngành Du lịch.

PO2: Vận dụng được những kiến thức cơ bản chuyên ngành Du lịch.

- Về kỹ năng:

PO3: Hoàn thiện được các kỹ năng ngoại ngữ, tin học, giao tiếp và những kỹ năng bổ trợ khác.

PO4: Thành thạo được các kỹ năng nghiệp vụ du lịch.

- Về thái độ:

PO5: Hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức; tinh thần trách nhiệm; tinh thần tự học, tự nghiên cứu.

6. Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) ngành Du lịch

Tốt nghiệp trình độ đại học ngành Du lịch, người học đạt các chuẩn dưới đây:

❖ Chuẩn đầu ra về kiến thức:

✓ Kiến thức chung (General knowledges):

PLO1: Hiểu được những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong ngành Du lịch.

PLO2: Vận dụng được những kiến thức liên ngành về chính trị - pháp luật, kinh tế - văn hóa - xã hội, khoa học kỹ thuật và môi trường Việt Nam trong hoạt động du lịch.

✓ Kiến thức nghề nghiệp (Professional knowdleges)

PLO3: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học du lịch vào thực tiễn hoạt động du lịch.

PLO4: Phân tích được những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động du lịch.

PLO5: Đánh giá được hiệu quả tổ chức hoạt động du lịch.

PLO6: Xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch.

❖ Chuẩn đầu ra về kỹ năng:

✓ Kỹ năng chung (Generic skills)

PLO7: Ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ vào công việc.

PLO8: Hoàn thiện các kỹ năng bổ trợ như: giao tiếp, truyền đạt thông tin, làm việc nhóm, quản lý thời gian...

✓ **Kỹ năng nghề nghiệp (Professional skills)**

PLO9: Phân tích được dữ liệu du lịch.

PLO10: Thành thạo được các kỹ năng nghề thuộc lĩnh vực lữ hành: hướng dẫn viên, thiết kế và điều hành tour, đặt giữ chỗ lữ hành...

PLO11: Thành thạo được các kỹ năng nghề thuộc lĩnh vực lưu trú: nhà hàng, buồng, lễ tân.

PLO12: Hình thành được các kỹ năng quản lý: giám sát, điều hành, hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm soát, đánh giá và điều chỉnh trong quản trị; xử lý tình huống, giải quyết vấn đề trong hoạt động quản trị du lịch.

❖ **Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

PLO13: Hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp và tư duy khoa học.

PLO14: Có ý thức trách nhiệm với bản thân, nghề nghiệp, xã hội và đất nước.

PLO15: Có khả năng tự học và tự nghiên cứu nâng cao trình độ; có năng lực tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trình độ sau đại học như thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước.

Quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) với mục tiêu (POs) của CTĐT ngành Du lịch thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) với mục tiêu (POs) của CTĐT ngành Du lịch

Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)	Mục tiêu của CTĐT (POs)				
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
1	x				
2	x				
3		x			
4		x			
5		x			
6		x			
7			x		
8			x		
9				x	
10				x	
11				x	
12				x	
13					x
14					x
15					x

7. Cơ hội việc làm và học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp ngành Du lịch

Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Du lịch:

❖ Việc làm trong lĩnh vực du lịch lữ hành:

- Hướng dẫn viên du lịch nội địa và quốc tế;
- Thiết kế, tổ chức và điều hành các tour du lịch trong và ngoài nước;
- Sale & Marketing du lịch;
- Tổ chức các sự kiện du lịch, lễ hội văn hoá;
- Điều phối các hoạt động của các hãng lữ hành nội địa và quốc tế...

❖ Việc làm trong lĩnh vực lưu trú và ẩm thực:

- Bộ phận FO (tiếp tân);
- Bộ phận HK (buồng phòng);
- Bộ phận F&B (ẩm thực);
- Bussiness Center (ng nghiệp vụ văn phòng cho doanh nhân);
- Bộ phận Sale & Marketing;
- Bộ phận nhân sự và đào tạo;
- Bộ phận chăm sóc khách hàng;
- Bộ phận dịch vụ bổ sung...

❖ Việc làm trong lĩnh vực văn hoá - du lịch, lĩnh vực nghiên cứu:

- Cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa và du lịch;
- Cơ quan chuyên môn về văn hoá - du lịch;
- Các cơ sở nghiên cứu, viện, trường có hoạt động nghiên cứu và đào tạo liên quan đến lĩnh vực du lịch (nghiên cứu viên, giảng viên...)...

8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp ngành Du lịch

8.1. Tiêu chí tuyển sinh

CTĐT ngành Du lịch chấp nhận người học đáp ứng những điều kiện dưới đây:

- Tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT)
- Theo các quy định về tuyển sinh trình độ đại học hàng năm của Bộ GDĐT và trường Đại học Sài Gòn.

8.2. Quá trình đào tạo

CTĐT ngành Du lịch được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, thực hiện tuân theo Luật Giáo dục đại học, các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Sài Gòn; thời gian đào tạo trong 4 năm, mỗi năm học gồm 02 học kỳ

chính và 01 học kỳ phụ (được tính gộp vào học kỳ chính kế trước).

8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây:

- Tích lũy đủ số tín chỉ, số học phần của chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên;

- Có các chứng chỉ về Giáo dục quốc phòng An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất, đạt các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

9. Chiến lược và phương pháp dạy học của CTĐT ngành Du lịch

CTĐT ngành Du lịch sử dụng các chiến lược và phương pháp dạy học dưới đây:

9.1. Dạy học trực tiếp

Đây là chiến lược dạy học cho phép thông tin được chuyển tải đến người học một cách trực tiếp thông qua việc giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Chiến lược này thường được áp dụng và mang lại hiệu quả ở các lớp học truyền thống, khi giảng viên muốn giải thích một kỹ năng mới hay truyền đạt những thông tin cơ bản đến người học. Trong chương trình đào tạo ngành Du lịch, chiến lược dạy học trực tiếp thường được áp dụng thông qua việc sử dụng các phương pháp như *Giải thích cụ thể* (Explicit Teaching), *Thuyết giảng* (Lecture) và *Tham luận* (Guest Lecture).

Giải thích cụ thể: giảng viên hướng dẫn, giải thích chi tiết, cụ thể các thuật ngữ cũng như các nội dung liên quan đến bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập cả về kiến thức lẫn kỹ năng.

Thuyết giảng: giảng viên thuyết giảng để trình bày và giải thích, phân tích nội dung bài học, người học nghe giảng để tiếp nhận, tích lũy và ghi chú để lưu giữ kiến thức.

Tham luận: theo định kỳ hằng năm, Ban Lãnh đạo Khoa và phụ trách ngành Du lịch liên hệ, mời các nhà quản lý hoặc các chuyên gia đến từ các cơ quan, doanh nghiệp trong lĩnh vực nhà hàng - khách sạn, các doanh nghiệp lữ hành, các chuyên gia, cán bộ quản lý văn hóa đến gặp gỡ sinh viên để truyền đạt hiểu biết, kinh nghiệm của mình dưới hình thức tọa đàm hoặc tham luận, giúp người học hình dung cụ thể về định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp, biết được những yêu cầu của nhà tuyển dụng, từ đó có sự chuẩn bị cả về kiến thức lẫn các kỹ năng cần thiết để có thể đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng sau khi ra trường.

9.2. Dạy học gián tiếp

Đây là chiến lược dạy học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm. Với phương pháp này, giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học, thay vào đó, người học tích cực tham gia vào tiến trình học tập, sử dụng kỹ năng tư duy phân biện để trả lời cũng như giải quyết các vấn đề được nêu trong bài học. Trong chương trình đào tạo ngành Du lịch, chiến lược dạy học gián tiếp thường được áp dụng thông qua việc sử dụng các phương pháp như *Câu hỏi gợi mở* (Inquiry), *Giải quyết vấn đề* (Problem Solving), *Học theo tình huống* (Case Study).

Câu hỏi gợi mở: đối với mỗi vấn đề được đặt ra, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở, hướng dẫn người học từng bước trả lời các câu hỏi theo cấp độ từ dễ đến khó, tiếp cận vấn đề từ xa đến gần nhằm làm rõ và giải quyết vấn đề một cách tối ưu.

Giải quyết vấn đề: người học tiếp nhận và đạt được kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của môn học khi tìm giải pháp làm sáng tỏ vấn đề được đặt ra; ngoài ra, người học còn tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết vấn đề.

Học theo tình huống: giảng viên nêu trường hợp có thách thức đang xảy ra trong thực tế (tình huống) và yêu cầu người học (thường theo nhóm) tìm cách xử lý, qua đó từng bước hình thành kỹ năng nghiên cứu trường hợp, kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định; đối với các môn học trong chương trình đào tạo ngành Du lịch, giảng viên giảng dạy các học phần về nghiệp vụ như lễ hành, hoặc nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn đặt ra các tình huống thường xảy ra trong quá trình hướng dẫn tour, hay trong quá trình làm việc tại nhà hàng - khách sạn,... để người học tham gia xử lý, giải quyết, từ đó hình thành kỹ năng xử lý tình huống chuyên nghiệp, hiệu quả).

9.3. Dạy học trải nghiệm

Đây là chiến lược dạy học mà người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng qua thực hành, làm việc trên thực tế rồi quan sát, cảm nhận và thấu hiểu. Áp dụng cho chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Du lịch, thường có các phương pháp như *Thực hành* (Practice), *Thực tập, thực tế* (Field Trip), và *Nghiên cứu khoa học* (Scientific research).

Thực hành: người học thực hành viết thuyết minh và thuyết minh các đề tài về

các tuyến, điểm du lịch dưới sự hướng dẫn của giảng viên (trên lớp) khi học các học phần như Tuyến điểm du lịch Việt Nam, Kỹ năng thuyết trình,..., từ đó hình thành kỹ năng cần có của một hướng dẫn viên du lịch; thực hành các thao tác của nhân viên lễ tân, nhân viên phục vụ buồng, phòng, nhà hàng,..., nhằm hình thành các kỹ năng của một nhân viên, quản lý làm việc trong lĩnh vực nhà hàng - khách sạn.

Thực tập, thực tế: hoạt động tham quan, thực tế chuyên môn tại các địa phương, các tuyến, điểm du lịch trên phạm vi cả nước giúp người học biết được giá trị của tài nguyên du lịch tại các địa phương, hình thành các kỹ năng thuyết minh, thiết kế các tuyến du lịch, các sản phẩm du lịch,... đáp ứng yêu cầu của khách hàng; thực tập tại các công ty lữ hành, các nhà hàng - khách sạn, các đơn vị (sở, phòng) quản lý văn hóa,... giúp người học có cơ hội tìm hiểu môi trường làm việc, cách thức làm việc, các công nghệ đang áp dụng trong lĩnh vực ngành, nghề được đào tạo,... góp phần hình thành kỹ năng nghề, văn hóa làm việc, tạo sự tự tin nắm bắt cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

Nghiên cứu khoa học: người học được tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến các lĩnh vực du lịch, văn hóa,... dưới sự hướng dẫn của giảng viên, nhằm hình thành các năng lực nghiên cứu sáng tạo, tạo ra sản phẩm nghiên cứu khoa học (bài báo, tiểu luận, khóa luận, đề tài nghiên cứu khoa học,...), từ đó, người học có được nền tảng kiến thức, kỹ năng nghiên cứu khoa học, có thể chuyển tiếp lên bậc học cao hơn.

9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy học mà giảng viên kết hợp sử dụng nhiều phương pháp, hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề, nêu câu hỏi gợi mở, yêu cầu người học cùng thảo luận, tranh luận để làm rõ và tìm ra phương án giải quyết, qua đó phát triển các kỹ năng xã hội, tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán, đưa ra quyết định. Áp dụng cho chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Du lịch, thường dùng các phương pháp như *Tranh luận* (Debate), *Thảo luận* (Discussions), *Học nhóm* (Peer Learning). Hầu hết các môn học trong chương trình đào tạo ngành Du lịch đều sử dụng các phương pháp trên, bởi tạo được hứng thú cho người học, mang lại hiệu quả tích cực trong việc chủ động lĩnh hội kiến thức.

Tranh luận: giảng viên nêu vấn đề của bài học, người học tranh luận với nhau; mỗi người học phân tích, lý giải và thuyết phục người khác ủng hộ quan điểm của mình, qua đó hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định,

thuyết phục người nghe hay kỹ năng nói trước đám đông.

Thảo luận: người học được chia thành các nhóm để bàn luận, trao đổi, bổ sung và thống nhất quan điểm với nhau về vấn đề được giảng viên đặt ra; khác với tranh luận, trong thảo luận, người học có cùng quan điểm và mục tiêu chung thường tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

Học nhóm: người học được tổ chức thành nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề của bài học và trình bày kết quả hoạt động của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình với sự phản biện, đánh giá, góp ý, bổ sung của các nhóm khác và giảng viên. Với phương pháp này, người học có thể làm việc nhóm và trình bày kết quả ngay trong giờ học, hoặc có thể làm việc nhóm ngoài giờ học để hoàn thiện báo hoặc nội dung thuyết trình với yêu cầu cao hơn nội dung làm việc nhóm trong quá trình học tại lớp.

9.5. Tự học

Đây là chiến lược mà người học tiến hành hoạt động học tập của mình với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên, nhưng qua đó họ tự định hướng việc học theo kinh nghiệm của bản thân, có quyền tự chủ và tự điều khiển hoạt động học của mình qua các bài tập hay vấn đề mà giảng viên đã gợi ý, hướng dẫn khi ở lớp. Áp dụng cho chiến lược này trong chương trình đào tạo ngành Du lịch thường dùng phương pháp *Bài tập ở nhà* (Work Assignment)

Bài tập ở nhà: người học được giảng viên giao thực hiện và hoàn thành một hoặc một số câu hỏi/vấn đề liên quan đến bài học trên lớp, qua đó hình thành năng lực và phương pháp tự học, tự nghiên cứu, chủ động tiếp nhận kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu môn học; bài tập về nhà sau khi hoàn thành được giảng viên chỉnh sửa, đánh giá, từ đó giúp người học củng cố tính đúng đắn của các đơn vị kiến thức mà bản thân lĩnh hội được trong quá trình tự học.

Các chiến lược và phương pháp dạy học trên đây giúp người học đạt Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Du lịch thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4. Quan hệ giữa chiến lược và phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT ngành Du lịch

Chiến lược và phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Dạy học trực tiếp															
1, Giải thích cụ thể	X														
2, Thuyết giảng	X														
3, Tham luận				X		X									

Dạy học gián tiếp																	
4, Câu hỏi gợi mở	X																
5, Giải quyết vấn đề	X																
6, Học theo tình huống								X									
Dạy học trải nghiệm																	
7, Thực hành			X	X			X			X							
8, Thực tập, thực tế			X	X		X	X		X	X			X	X			
9, Nghiên cứu khoa học		X			X		X				X	X					
Dạy học tương tác																	
10, Tranh luận	X								X								
11, Thảo luận	X							X	X								
12, Học nhóm								X		X			X				
Tự học																	
13, Bài tập ở nhà							X						X			X	

10. Phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá của CTĐT ngành Du lịch

10.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong quá trình dạy học, theo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, có tính phân hóa, thường xuyên và định kỳ.

Chính sách, tiêu chí đánh giá được Khoa Văn hóa và Du lịch thiết kế và công bố từ đầu mỗi khóa học. Thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý; từ đó có những điều chỉnh kịp thời về hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa Văn hóa và Du lịch đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học, cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong CTĐT ngành Du lịch được chia thành 2 nhóm chính: Đánh giá tiến trình (On-going/ Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết/ định kỳ (Summative Assessment).

10.1.1. Đánh giá theo tiến trình

Đánh giá theo tiến trình nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người

dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Các phương pháp đánh giá cụ thể của nhóm này gồm: *Đánh giá chuyên cần* (Attendance Check), *Đánh giá bài tập* (Work Assignment) và *Đánh giá thuyết trình* (Oral Presentation).

Đánh giá chuyên cần

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần. Đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1.

Đánh giá bài tập

Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí trong Rubric 2.

Đánh giá thuyết trình

Ở một số học phần trong CTĐT ngành Du lịch, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm, phản biện. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học, cần sử dụng các tiêu chí đánh giá trong Rubric 3.

10.1.2. Đánh giá tổng kết/ định kỳ

Đánh giá tổng kết/ định kỳ nhằm đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa kỳ học và đánh giá cuối kỳ học. Các phương pháp đánh giá cụ thể của nhóm này gồm có: *Kiểm tra viết* (Written Exam), *Kiểm tra trắc nghiệm* (Multiple choice Exam), *Bảo vệ và thi vấn đáp* (Oral Exam), *Đánh giá báo cáo* (Written Report), *Đánh giá thuyết trình* (Oral Presentation), *Đánh giá làm việc nhóm* (Teamwork Assessment)

Đánh giá kiểm tra viết

Người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, làm bài tập hay trình bày ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá theo thang điểm 10 với đáp án đã được thiết kế. Số lượng câu hỏi cho bài kiểm tra viết tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.

Thông thường, đánh giá kiểm tra viết được thực hiện khi người học được yêu cầu làm các bài kiểm tra trong quá trình học và bài kiểm tra cuối kỳ.

Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm

Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.

Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp

Người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp về những vấn đề chủ yếu liên quan đến mục tiêu kiến thức và kỹ năng của học phần, hay khi trả lời câu hỏi trong quá trình báo cáo đề tài hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 4.

Đánh giá báo cáo

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm là báo cáo của họ, bao gồm nội dung và cách thức trình bày, hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ trong báo cáo. Báo cáo có thể là tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp này theo Rubric 5.

Đánh giá thuyết trình

Giống với đánh giá thuyết trình trong nhóm đánh giá theo tiến trình, thường được thực hiện trong quá trình lên lớp và tiêu chí đánh giá cũng theo Rubric 3.

Đánh giá làm việc nhóm

Đây là phương pháp được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và chủ yếu dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học. Tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp này theo Rubric 6.

Quan hệ giữa các phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Du lịch được thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5. Quan hệ giữa các phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT ngành Du lịch

Phương pháp đánh giá		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Đánh giá tiến trình															
1	Đánh giá chuyên cần													X	X	
2	Đánh giá bài tập	X			X			X								X

3	Đánh giá thuyết trình	X					X	X	X	X			X	X
II	Đánh giá tổng kết/ định kỳ													
4	Đánh giá kiểm tra viết	X		X	X									
5	Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm	X		X	X									
6	Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp	X		X					X					
7	Đánh giá báo cáo		X			X	X	X			X	X	X	X
8	Đánh giá thuyết trình	X						X	X	X	X		X	X
9	Đánh giá làm việc nhóm								X				X	

10.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Căn cứ vào các phương pháp đánh giá trên, Khoa Văn hóa và Du lịch đã xây dựng bộ công cụ và tiêu chí đánh giá (Rubrics) dưới đây của CTĐT ngành Du lịch

10.2.1. Đánh giá chuyên cần

Rubric 1: Chuyên cần

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	
	Dự học trên lớp (50%)	Đóng góp tại lớp (50%)
Mức A (8.5-10)	Dự học trên lớp rất đầy đủ: 90-100(%)	Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả.
Mức B (7.0-8.4)	Dự học trên lớp đầy đủ: 75-<90(%)	Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học hiệu quả.
Mức C (5.5-6.9)	Dự học trên lớp khá đầy đủ: 55-<75(%)	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả.
Mức D (4.0-5.4)	Dự học trên lớp chưa đầy đủ: 40-<55(%)	Có tham gia các hoạt động trên lớp, một số ít đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả.
Mức F (0.0-3.9)	Dự học trên lớp quá ít: <40(%)	Không tham gia các hoạt động trên lớp, không có đóng góp tại lớp.

10.2.2. Đánh giá bài tập

Rubric 2: Đánh giá bài tập

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)		
	Nộp bài tập (20%)	Trình bày bài tập (30%)	Nội dung bài tập (50%)
Mức A (8.5-10)	Nộp bài đầy đủ (100%); đúng thời gian quy định	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, logic chặt chẽ; sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu rõ ràng, khoa học; ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	Nội dung bài tập chính xác, đầy đủ, đúng theo yêu cầu; nội dung đảm bảo tính logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.

Mức B (7.0-8.4)	Nộp bài đầy đủ (100%); hầu hết đúng thời gian quy định	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách; sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp; ghi chú, giải thích đầy đủ.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu, nội dung rõ ràng, hợp lý.
Mức C (5.5-6.9)	Nộp bài đầy đủ (100%); một số chưa đúng thời gian quy định.	Trình bày đúng quy cách; sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày (trích nguồn, chính tả, ghi chú).	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu, nhưng chưa thật hợp lý; còn một số sai sót về kiến thức.
Mức D (4.0-5.4)	Nộp bài tập khá đủ (70%); nhiều bài tập chưa đúng thời gian quy định.	Trình bày lộn xộn, không đúng quy cách; sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu không phù hợp.	Nội dung bài tập còn thiếu khá nhiều; một số không đúng theo yêu cầu và thiếu chính xác.
Mức F (0.0-3.9)	Không nộp bài tập	Không có bài tập	Không có bài tập

10.2.3. Đánh giá thuyết trình

Rubric 3: Đánh giá thuyết trình

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)		
	Nội dung báo cáo (50%)	Trình bày slide (25%)	Thuyết trình (25%)
Mức A (8.5-10)	Hoàn toàn phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh, bảng biểu minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú, chính xác; có sử dụng video và giải thích cụ thể kiến thức trên video.	Slide trình bày có bố cục 3 phần (giới thiệu, phần chính, kết luận) rõ ràng, logic; thuật ngữ được sử dụng đơn giản, dễ hiểu; thể hiện được sự thuần thục trong trình bày và sử dụng ngôn ngữ.	Phần trình bày rất súc tích, có bố cục rõ ràng; âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút và tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu và bắt kịp tất cả nội dung được trình bày; thời gian trình bày đúng quy định.
Mức B (7.0-8.4)	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh, bảng biểu minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú, chính xác; có sử dụng video.	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic; thể hiện được sự thuần thục trong trình bày.	Phần trình bày khá súc tích; sử dụng từ đơn giản, dễ hiểu; âm giọng rõ ràng, lưu loát; tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định.
Mức C (5.5-6.9)	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh, bảng biểu minh họa đẹp, rõ ràng.	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic.	Phần trình bày theo bố cục rõ ràng; âm giọng vừa phải, dễ nghe; đôi lúc có tương tác và người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định.
Mức D (4.0-5.4)	Phù hợp cơ bản với yêu cầu; giải thích chưa rõ ràng hình ảnh minh họa, bảng	Slide trình bày có số lượng thích hợp; sử dụng từ ngữ và hình ảnh tương đối rõ	Phần trình bày đầy đủ; âm giọng chưa rõ ràng; sử dụng từ còn phức tạp, khó hiểu; chưa có tương tác; thời gian

	biểu.	ràng.	trình bày chưa đúng quy định.
Mức F (0.0-3.9)	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định.	Phần trình bày không logic; sử dụng từ không đúng, âm giọng không rõ; người nghe không hiểu; vượt quá thời gian quy định.

10.2.4. **Đánh giá kiểm tra viết:** thang điểm 10; theo đáp án đã được thiết kế.

10.2.5. **Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm:** thang điểm 10; theo đáp án đã được thiết kế.

10.2.6. **Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp**

Rubric 4: Đánh giá bảo vệ và thi vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	
	Thái độ trả lời và bảo vệ (20%)	Nội dung trả lời và bảo vệ (80%)
Mức A (8.5-10)	Giao tiếp và trả lời rất tự tin; âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút; tương tác tốt với người nghe.	Đầy đủ, súc tích, rõ ràng và chính xác; liên quan trực tiếp đến câu hỏi hay nội dung bảo vệ; lập luận, phân tích rất thuyết phục.
Mức B (7.0-8.4)	Giao tiếp và trả lời tự tin; âm giọng rõ ràng, lưu loát; tương tác khá tốt với người nghe.	Đầy đủ, ngắn gọn, rõ ràng; liên quan đến câu hỏi hay nội dung bảo vệ; lập luận, phân tích khá thuyết phục.
Mức C (5.5-6.9)	Giao tiếp và trả lời tương đối tự tin; âm giọng vừa phải, dễ nghe; có chủ động tương tác với người nghe.	Khá đầy đủ, đúng trọng tâm nhưng có phần chưa ngắn gọn; liên quan đến câu hỏi hay nội dung bảo vệ; lập luận, phân tích có phần không thuyết phục.
Mức D (4.0-5.4)	Giao tiếp và trả lời có phần thiếu tự tin; âm giọng không rõ ràng, hơi khó nghe; chưa chủ động tương tác với người nghe.	Chưa đầy đủ, thiếu trọng tâm, dài dòng; ít liên quan đến câu hỏi hay nội dung bảo vệ; lập luận, phân tích không thuyết phục.
Mức F (0.0-3.9)	Giao tiếp và trả lời khá thô lỗ; thiếu hợp tác và không tôn trọng người nghe; âm giọng khó nghe và dùng nhiều từ không thích hợp.	Hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi và nội dung bảo vệ; lập luận, phân tích không hợp lý, phi logic.

10.2.7. **Đánh giá báo cáo**

Rubric 5: Đánh giá báo cáo

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)		
	Nội dung báo cáo (60%)	Thuyết minh báo cáo (20%)	Hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ (20%)
Mức A (8.5-10)	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu; chi tiết, rõ ràng, hợp lý, có logic chặt chẽ; được phân tích, giải thích hoàn	Có nội dung hoàn toàn phù hợp; cấu trúc logic chặt chẽ; giải thích hình ảnh, bảng biểu và các ghi	Số lượng, nội dung hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; có ghi chú, dẫn nguồn đầy đủ hình ảnh, sơ đồ, biểu

	toàn thuyết phục.	chú hợp lý; sử dụng rất thành thạo máy tính khi trình bày thuyết minh.	đồ đúng quy định.
Mức B (7.0-8.4)	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu; chi tiết, rõ ràng, hợp lý; phân tích và giải thích thiếu cụ thể, ít thuyết phục.	Có nội dung khá phù hợp; cấu trúc logic khá chặt chẽ; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú hợp lý; sử dụng khá thành thạo máy tính khi trình bày thuyết minh	Số lượng, nội dung hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ đáp ứng yêu cầu theo quy định; có ghi chú, dẫn nguồn hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ.
Mức C (5.5-6.9)	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, nhưng có phần chưa hợp lý; phân tích và giải chưa thuyết phục.	Có nội dung và trình tự trình bày phù hợp; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú chưa đầy đủ; còn một số lỗi về trình bày và chính tả; sử dụng được máy tính khi trình bày.	Số lượng, nội dung hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ đáp ứng khá đầy đủ; chưa ghi chú, chưa dẫn nguồn đầy đủ hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ.
Mức D (4.0-5.4)	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, nhưng có phần không hợp lý; phân tích và giải không thuyết phục.	Có nội dung phù hợp nhưng trình tự trình bày không hợp lý; hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ còn nhiều mâu thuẫn với nội dung; nhiều hạn chế trong việc sử dụng máy tính.	Số lượng, nội dung hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ còn ít; không ghi chú, không dẫn nguồn hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ.
Mức F (0.0-3.9)	Không có nội dung hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không đúng yêu cầu.	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đáp ứng yêu cầu hay không đúng với nội dung báo cáo.	Không có hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ hoặc hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ không đáp ứng yêu cầu hay không đúng với nội dung báo cáo.

10.2.8. Đánh giá làm việc nhóm

Rubric 6: Đánh giá làm việc nhóm

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)			
	Tổ chức nhóm (30%)	Chuyên cần (20%)	Thảo luận nhóm (30%)	Phối hợp nhóm (20%)
Mức A (8.5-10)	Phân công nhiệm vụ, công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với khả năng của từng thành viên; phát huy được thế mạnh của từng thành viên.	Tham gia 90-100 (%)	Luôn tham gia thảo luận nhóm; có đóng góp tích cực và hiệu quả cho các cuộc thảo luận nhóm.	Tích cực hợp tác, phối hợp với các thành viên và với nhóm; luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm với thành viên khác.

Mức B (7.0-8.4)	Phân công nhiệm vụ, công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng của từng thành viên.	Tham gia 75-<90 (%)	Luôn tham gia và có đóng góp tích cực cho các cuộc thảo luận của nhóm.	Luôn hợp tác, phối hợp với thành viên khác và với nhóm; tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm với thành viên khác.
Mức C (5.5-6.9)	Phân công nhiệm vụ, công việc rõ ràng, nhưng có phần chưa phù hợp với khả năng của từng thành viên.	Tham gia 55-<75 (%)	Có tham gia và có đóng góp cho các cuộc thảo luận của nhóm.	Có hợp tác, phối hợp với thành viên khác và với nhóm; có chia sẻ kinh nghiệm với thành viên khác
Mức D (4.0-5.4)	Phân công nhiệm vụ, công việc của mỗi thành viên không cụ thể.	Tham gia 40-<55 (%)	Thỉnh thoảng có tham gia và ít đóng góp cho thảo luận nhóm.	Thỉnh thoảng có hợp tác, phối hợp nhóm; ít chia sẻ kinh nghiệm với thành viên khác.
Mức F (0.0-3.9)	Không có nhóm hoặc không làm việc nhóm.	<40 (%)	Không tham gia thảo luận nhóm.	Không hợp tác và không phối hợp làm việc nhóm.

11. Hệ thống tính điểm của Trường Đại học Sài Gòn

Trường Đại học Sài Gòn sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá kết quả học tập của người học như sau:

Thang điểm 10 được dùng để đánh giá học phần bao gồm điểm bộ phận, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần (được làm tròn đến một chữ số thập phân); điểm học phần bằng tổng các điểm bộ phận nhân với trọng số tương ứng.

Thang điểm chữ dùng để xếp loại kết quả học tập của người học đối với học phần.

Thang điểm 4 được dùng để tính điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy nhằm đánh giá kết quả học tập và xếp loại học tập đối với người học sau mỗi học kỳ hoặc cả khóa học.

Hệ thống tính điểm của Trường Đại học Sài Gòn được thể hiện ở Bảng 6.

Bảng 6. Hệ thống tính điểm của Trường Đại học Sài Gòn

Thang điểm			Phân loại
Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4	
8.5 – 10	A	4	Đạt
7.0 – 8.4	B	3	
5.5 – 6.9	C	2	
4.0 – 5.4	D	1	
< 4.0	F	0	Không đạt

12. Cấu trúc của chương trình dạy học ngành Du lịch

Chương trình giảng dạy của ngành Du lịch được chia thành 3 khối kiến thức, trong đó các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn ở mỗi khối được thiết kế như Bảng 7.

Bảng 7. Các khối kiến thức và số tín chỉ trong chương trình giảng dạy ngành Du lịch

Các khối kiến thức		Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	22	0
2	Kiến thức cơ sở ngành	22	6
3	Kiến thức ngành	26	6
4	Kiến thức chuyên ngành	25	3
5	Thực tập tốt nghiệp	6	0
6	Khóa luận tốt nghiệp	0	10
Tổng		101	25
Số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy (không kể số tín chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh)		126	

Các khối kiến thức trên đây được thiết kế nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Du lịch thể hiện ở Bảng 8.

Bảng 8. Ma trận đáp ứng giữa các khối kiến thức và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Du lịch

Các khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ %	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương (không tính các học phần GDTC- GDQPAN)	22	17.46															
<i>Kiến thức Ngoại ngữ</i>	7	5.55	M	H	M	M	M	M	H	M	H	H	M	M	H	H	M
<i>Kiến thức Lý luận chính trị</i>	11	8.73	H	H	M	L	M	M	L	L	M	M	L	M	H	H	M
<i>Kiến thức giáo dục đại cương khác</i>	4	3.17	H	H	M	M	H	M	H	M	H	M	H	H	H	H	M
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	104	82.53															

Kiến thức cơ sở của ngành	28	22.22	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
Kiến thức ngành	34	26.98	M	M	H	H	H	M	M	H	H	H	H	M	H	H	M
Kiến thức chuyên ngành	42	33.33	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
Tổng	126	100															

Ghi chú: Tổng cộng các học phần không tính khối Kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh.

(Ghi chú: H: đáp ứng cao, M: đáp ứng trung bình, L: đáp ứng thấp)

13. Danh sách học phần trong chương trình dạy học ngành Du lịch

Bảng 9. Danh sách học phần trong chương trình giảng dạy ngành Du lịch

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết dạy học				Hệ số học phần
				Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập/ Thực hành	Thực tập	Cộng	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC và GDQPAN)			22/22					
1	861301	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		45	1
2	861302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	10		30	1
3	861303	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10		30	1
4	861304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		30	1
5	861305	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	22	08		30	1
6	865002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	10		30	1
7	865006	Pháp luật đại cương	2	20	10		30	1
8	866101	Tiếng Anh (I)	2	10	20		30	1
9	866102	Tiếng Anh (II)	2	15	15		30	1
10	866103	Tiếng Anh (III)	3	15	30		45	1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết dạy học				Hệ số học phần
				Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập/ Thực hành	Thực tập	Cộng	
11	862101	Giáo dục thể chất (I)	1	2	28		30	1
12	862406	Giáo dục quốc phòng và an ninh I	3	37	8		45	1
13	862407	Giáo dục quốc phòng và an ninh II	2	22	8		30	1
14	862408	Giáo dục quốc phòng và an ninh III	2	14	16		30	1
15	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4	4	56		60	1
Các học phần tự chọn			2/10					
16	BOBA11	Bóng bàn 1	1	2	28		30	1
17	BODA11	Bóng đá 1	1	2	28		30	1
18	BOCH11	Bóng chuyền 1	1	2	28		30	1
19	BORO11	Bóng rổ 1	1	2	28		30	1
20	CALO11	Cầu lông 1	1	2	28		30	1
21	BOBA12	Bóng bàn 2	1	2	28		30	1
22	BODA12	Bóng đá 2	1	2	28		30	1
23	BOCH12	Bóng chuyền 2	1	2	28		30	1
24	BORO12	Bóng rổ 2	1	2	28		30	1
25	CALO12	Cầu lông 2	1	2	28		30	1
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			104/181					
Kiến thức cơ sở của ngành			28/43					
Các học phần bắt buộc			22/22					
26	857401	Tổng quan du lịch	3	30	15		45	1
27	857402	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	30	15		45	1
28	835103	Địa lý du lịch Việt Nam	3	25	20		45	1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết dạy học				Hệ số học phần
				Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập/ Thực hành	Thực tập	Cộng	
29	857403	Kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam	3	25	20		45	1
30	835312	Phong tục, tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam	3	25	20		45	1
31	857404	Phương pháp NCKH ngành Du lịch	2	20	10		30	1
32	857405	Luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong du lịch	2	20	10		30	1
33	857406	Thực tế chuyên môn 1	1			90	90	1
34	835029	Phát triển du lịch bền vững	2	20	10		30	1
Các học phần tự chọn			06/21					
35	857407	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp du lịch	3	25	20		45	1
36	835313	Văn hóa ẩm thực	3	24	21		45	1
37	857408	Lịch sử văn minh thế giới	3	30	15		45	1
38	857409	Các dân tộc Việt Nam	3	30	15		45	1
39	857410	Văn hóa dân gian Việt Nam	3	30	15		45	1
40	857411	Văn hóa du lịch	3	30	15		45	1
41	835305	Văn hóa Phương Đông - Phương Tây	3	24	21		45	1
Kiến thức ngành			32/38					
Các học phần bắt buộc			26/26					
42	835106	Marketing du lịch	3	15	30		45	1
43	835065	Kinh tế Du lịch	3	30	15		45	1
44	835310	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	3	25	20		45	1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết dạy học				Hệ số học phần
				Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập/ Thực hành	Thực tập	Cộng	
45	857412	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3	30	15		45	1
46	857413	Quản trị rủi ro trong du lịch	2	20	10		30	1
47	857414	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	3	15	30		45	1
48	857415	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	3	15	30		45	1
49	857416	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 3	3	15	30		45	1
50	857417	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 4	3	15	30		45	1
Các học phần tự chọn			06/12					
51	857418	Tổ chức sự kiện du lịch	3	30	15		45	1
52	857419	Ứng dụng CNTT trong du lịch	3	15	30		45	1
53	835317	Du lịch sinh thái	3	25	20		45	1
54	857420	Du lịch MICE	3	30	15		45	1
Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 2 chuyên ngành)								
Chuyên ngành: Hướng dẫn du lịch			44/50					
Các học phần bắt buộc			41/41					
55	857421	Tuyển điểm du lịch 1	3	25	20		45	1
56	857422	Thực tế hướng dẫn du lịch 1	2			180	180	1
57	857423	Tuyển điểm du lịch 2	3	30	15		45	1
58	835403	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	30	15		45	1
59	857424	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	30	60		90	1
60	857425	Quản lý phát triển sản phẩm du lịch	2	13	17		30	1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết dạy học				Hệ số học phần
				Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập/ Thực hành	Thực tập	Cộng	
61	835314	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	25	20		45	1
62	835308	Du lịch Quốc tế	3	39	6		45	1
63	857426	Thực tế hướng dẫn du lịch 2	2			180	180	1
64	857427	Thực tập tốt nghiệp	6	15		450	465	1
Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế khóa luận chuyên ngành Hướng dẫn du lịch			10/10					
65	857499	Khóa luận tốt nghiệp	10				150	1
66	857428	Quản lý an toàn cho du khách	2	20	10		30	1
67	857429	Quản lý điểm đến du lịch	3	30	15		45	1
68	857430	Văn hóa doanh nghiệp du lịch	3	24	21		45	1
69	857431	Lập dự án kinh doanh du lịch	2	25	5		30	1
Các học phần tự chọn			3/9					
70	835307	Kỹ năng thuyết trình – thuyết minh	3	15	30		45	1
71	857432	Kỹ năng hoạt náo trong du lịch	3	15	30		45	1
72	835306	Kỹ năng đàm phán	3	15	30		45	1
Chuyên ngành: Quản lý khách sạn - nhà hàng			44/50					
Các học phần bắt buộc			41/41					
73	857433	Tổng quan dịch vụ lưu trú	2	20	10		30	1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết dạy học				Hệ số học phần
				Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập/ Thực hành	Thực tập	Cộng	
74	835404	Quản trị kinh doanh khách sạn – nhà hàng	3	30	15		45	1
75	857434	Quản lý ẩm thực	3	30	15		45	1
76	857435	Quản lý dịch vụ giải trí du lịch	3	30	15		45	1
77	857436	Quản trị dự án đầu tư khách sạn – nhà hàng	3	30	15		45	1
78	857437	Nghiệp vụ Lễ tân	3	15	60		75	1
79	857438	Nghiệp vụ nhà hàng	3	15	60		75	1
80	857439	Nghiệp vụ buồng	3	15	60		75	1
81	857440	Thực tập khách sạn - nhà hàng	2			90	90	1
82	857427	Thực tập tốt nghiệp	6	15		450	465	1
Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế khóa luận chuyên ngành Quản lý khách sạn – nhà hàng			10/10					
83	857499	Khóa luận tốt nghiệp	10				150	1
84	857441	Quản trị tài chính trong khách sạn – nhà hàng	2	20	10		30	1
85	857442	Quản lý chất lượng dịch vụ khách sạn – nhà hàng	3	30	15		45	1
86	857430	Văn hóa doanh nghiệp du lịch	3	24	21		45	1
87	857431	Lập dự án kinh doanh du lịch	2	25	5		30	1
Các học phần tự chọn			3/9					
88	857443	Nghiệp vụ chăm sóc khách hàng	3	15	60		75	1
89	857444	Nghiệp vụ Bar	3	15	60		75	1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết dạy học				Hệ số học phần
				Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập/ Thực hành	Thực tập	Cộng	
90	857445	Nghiệp vụ chế biến món ăn	3	15	60		75	1
Tổng số tín chỉ (không kể số tín chỉ GD thể chất và GD quốc phòng – An ninh)			126					

14. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Du lịch

Bảng 10. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

ngành Du lịch

T T	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương																	
<i>Các học phần bắt buộc</i>																	
1	861301	Triết học Mác – Lênin	H	H	M	L	M	M	L	L	M	M	L	M	H	H	M
2	861302	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	H	H	M	L	M	M	L	L	M	M	L	M	H	H	M
3	861303	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H	H	M	L	M	M	L	L	M	M	L	M	H	H	M
4	861304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H	H	M	L	M	M	L	L	M	M	L	M	H	H	M
5	861305	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H	H	M	L	M	M	L	L	M	M	L	M	H	H	M
6	865002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	H	H	M	L	M	M	L	L	M	M	L	M	H	H	M
7	865006	Pháp luật đại cương	H	H	M	M	H	M	H	M	H	M	H	H	H	H	M
8	866101	Tiếng Anh (I)	M	H	M	M	M	M	H	M	H	H	M	M	H	H	M
9	866102	Tiếng Anh (II)	M	H	M	M	M	M	H	M	H	H	M	M	H	H	M
10	866103	Tiếng Anh (III)	M	H	M	M	M	M	H	M	H	H	M	M	H	H	M
11	862101	Giáo dục thể chất (I)	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M

T T	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	862406	Giáo dục quốc phòng và an ninh I	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
13	862407	Giáo dục quốc phòng và an ninh II	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
14	862408	Giáo dục quốc phòng và an ninh III	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
15	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
Các học phần tự chọn																	
16	BOBA11	Bóng bàn 1	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
17	BODA11	Bóng đá 1	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
18	BOCH11	Bóng chuyền 1	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
19	BORO11	Bóng rổ 1	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
20	CALO11	Cầu lông 1	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
21	BOBA12	Bóng bàn 2	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
22	BODA12	Bóng đá 2	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
23	BOCH12	Bóng chuyền 2	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
24	BORO12	Bóng rổ 2	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
25	CALO12	Cầu lông 2	M	M	M	L	L	M	L	L	M	L	L	L	H	H	M
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																	
Kiến thức cơ sở của ngành																	
Các học phần bắt buộc																	
26	857401	Tổng quan du lịch	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
27	857402	Tiến trình lịch sử Việt Nam	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
28	835103	Địa lý du lịch Việt Nam	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
29	857403	Kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M

T T	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
30	835312	Phong tục, tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
31	857404	Phương pháp NCKH ngành Du lịch	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
32	857405	Luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong du lịch	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
33	857406	Thực tế chuyên môn 1	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
34	835029	Phát triển du lịch bền vững	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
Các học phần tự chọn																	
35	857407	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp du lịch	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
36	835313	Văn hóa ẩm thực	M	M	H	H	H	M	M	H	H	H	M	H	H	M	
37	857408	Lịch sử văn minh thế giới	M	M	H	H	H	M	M	H	H	H	M	H	H	M	
38	857409	Các dân tộc Việt Nam	M	M	H	H	H	M	M	H	H	H	M	H	H	M	
39	857410	Văn hóa dân gian Việt Nam	M	M	H	H	H	M	M	H	H	H	M	H	H	M	
40	857411	Văn hóa du lịch	M	M	H	H	H	M	M	H	H	H	M	H	H	M	
41	835305	Văn hóa Phương Đông - Phương Tây	M	M	H	H	H	M	M	H	H	H	M	H	H	M	
Kiến thức ngành																	
Các học phần bắt buộc																	
42	835106	Marketing du lịch	M	M	H	H	H	M	M	H	H	H	M	H	H	M	
43	835065	Kinh tế Du lịch	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M	
44	835310	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M	

T T	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
45	857412	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
46	857413	Quản trị rủi ro trong du lịch	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
47	857414	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
48	857415	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
49	857416	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 3	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
50	857417	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 4	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
Các học phần tự chọn																	
51	857418	Tổ chức sự kiện du lịch	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
52	857419	Ứng dụng CNTT trong du lịch	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
53	835317	Du lịch sinh thái	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
54	857420	Du lịch MICE	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 2 chuyên ngành)																	
Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch																	
Các học phần bắt buộc																	
55	857421	Tuyển điểm du lịch 1	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
56	857422	Thực tế hướng dẫn du lịch 1	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
57	857423	Tuyển điểm du lịch 2	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
58	835403	Quản trị kinh doanh lữ hành	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
59	857424	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M

T T	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
60	857425	Quản lý phát triển sản phẩm du lịch	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
61	835314	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
62	835308	Du lịch Quốc tế	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
63	857426	Thực tế hướng dẫn du lịch 2	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
64	857427	Thực tập tốt nghiệp	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	M	H	H	H
<i>Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>																	
65	857499	Khóa luận tốt nghiệp	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
66	857428	Quản lý an toàn cho du khách	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
67	857429	Quản lý điểm đến du lịch	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
68	857430	Văn hóa doanh nghiệp du lịch	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
69	857431	Lập dự án kinh doanh du lịch	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
<i>Các học phần tự chọn</i>																	
70	835307	Kỹ năng thuyết trình – thuyết minh	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
71	857432	Kỹ năng hoạt náo trong du lịch	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
72	835306	Kỹ năng đàm phán	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	H	M
<i>Chuyên ngành:</i>																	
<i>Quản lý khách sạn – nhà hàng</i>																	
<i>Các học phần bắt buộc</i>																	
73	857433	Tổng quan dịch vụ lưu trú	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M
74	835404	Quản trị kinh doanh khách sạn – nhà hàng	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M

T T	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
75	857434	Quản lý ẩm thực	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M	
76	857435	Quản lý dịch vụ giải trí du lịch	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	M	
77	857436	Quản trị dự án đầu tư khách sạn – nhà hàng	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M	
78	857437	Nghiệp vụ Lễ tân	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M	
79	857438	Nghiệp vụ nhà hàng	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M	
80	857439	Nghiệp vụ buồng	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	M	
81	857440	Thực tập khách sạn - nhà hàng	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	M	
82	857427	Thực tập tốt nghiệp	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H	M	H	H	
<i>Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>																	
83	857499	Khóa luận tốt nghiệp	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M	
84	857441	Quản trị tài chính trong khách sạn – nhà hàng	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M	
85	857442	Quản lý chất lượng dịch vụ khách sạn – nhà hàng	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M	
86	857430	Văn hóa doanh nghiệp du lịch	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M	
87	857431	Lập dự án kinh doanh du lịch	M	M	H	H	H	M	M	H	H	M	H	M	H	M	
<i>Các học phần tự chọn</i>																	
88	857443	Nghiệp vụ chăm sóc khách hàng	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M	
89	857444	Nghiệp vụ Bar	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M	
90	857445	Nghiệp vụ chế biến món ăn	M	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	M	

(Ghi chú: H: đáp ứng cao, M: đáp ứng trung bình, L: đáp ứng thấp)

15. Mô tả chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học kỳ thực hiện								Mã học phần học trước	
				1	2	3	4	5	6	7	8		
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC và GDQPAN)			22/22										
Các học phần bắt buộc			34/34										
1	861301	Triết học Mác – Lênin	3	x									
2	861302	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		x								861301
3	861303	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			x							861302
4	861304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				x						861303
5	861305	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					x					861304
6	865002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	x									
7	865006	Pháp luật đại cương	2		x								
8	866101	Tiếng Anh (I)	2		x	x							Điểm KS ≥ 30
9	866102	Tiếng Anh (II)	2			x	x						866101
10	866103	Tiếng Anh (III)	3				x	x					866102
11	862101	Giáo dục thể chất (I)	1		x								
12	862406	Giáo dục quốc phòng và an ninh I	3			x							862406
13	862407	Giáo dục quốc phòng và an ninh II	2				x						862407
14	862408	Giáo dục quốc phòng và an ninh III	2					x					862408
15	862409	Giáo dục quốc phòng và an ninh IV	4						x				
Các học phần tự chọn			2/10										
16	BOBA11	Bóng bàn 1	1			x							862101
17	BODA11	Bóng đá 1	1			x							862101
18	BOCH11	Bóng chuyền 1	1			x							862101

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học kỳ thực hiện								Mã học phần học trước
				1	2	3	4	5	6	7	8	
19	BORO11	Bóng rổ 1	1			x						862101
20	CALO11	Cầu lông 1	1			x						862101
21	BOBA12	Bóng bàn 2	1				x					862101
22	BODA12	Bóng đá 2	1				x					862101
23	BOCH12	Bóng chuyền 2	1				x					862101
24	BORO12	Bóng rổ 2	1				x					862101
25	CALO12	Cầu lông 2	1				x					862101
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			104/181									
Kiến thức cơ sở của ngành			28/43									
Các học phần bắt buộc			22/22									
26	857401	Tổng quan du lịch	3	x								
27	857402	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	x								
28	835103	Địa lý du lịch Việt Nam	3	x								
29	857403	Kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam	3		x							
30	835312	Phong tục, tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam	3		x							
31	857404	Phương pháp NCKH ngành Du lịch	2		x							
32	857405	Luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong du lịch	2		x							
33	857406	Thực tế chuyên môn 1	1		x							
34	835029	Phát triển du lịch bền vững	2			x						
Các học phần tự chọn			06/21									
35	857407	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp du lịch	3			x						
36	835313	Văn hóa ẩm thực	3			x						
37	857408	Lịch sử văn minh thế giới	3			x						

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học kỳ thực hiện								Mã học phần học trước	
				1	2	3	4	5	6	7	8		
38	857409	Các dân tộc Việt Nam	3			x							
39	857410	Văn hóa dân gian Việt Nam	3			x							
40	857411	Văn hóa du lịch	3			x							
41	835305	Văn hóa Phương Đông - Phương Tây	3			x							
Kiến thức ngành			32/38										
Các học phần bắt buộc			26/26										
42	835106	Marketing du lịch	3			x							
43	835065	Kinh tế Du lịch	3			x							
44	835310	Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	3				x						
45	857412	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3					x					
46	857413	Quản trị rủi ro trong du lịch	2					x					
47	857414	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	3				x						
48	857415	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	3					x					
49	857416	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 3	3						x				
50	857417	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 4	3							x			
Các học phần tự chọn			06/12										
51	857418	Tổ chức sự kiện du lịch	3				x						
52	857419	Ứng dụng CNTT trong du lịch	3				x						
53	835317	Du lịch sinh thái	3				x						
54	857420	Du lịch MICE	3				x						
Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 2 chuyên ngành)			44/100										

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học kỳ thực hiện								Mã học phần học trước
				1	2	3	4	5	6	7	8	
Chuyên ngành: Hướng dẫn du lịch			44/50									
Các học phần bắt buộc			41/41									
55	857421	Tuyển điểm du lịch 1	3					x				
56	857422	Thực tế hướng dẫn du lịch 1	2					x				
57	857423	Tuyển điểm du lịch 2	3						x			
58	835403	Quản trị kinh doanh lữ hành	3						x			
59	857424	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4						x			
60	857425	Quản lý phát triển sản phẩm du lịch	2							x		
61	835314	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3							x		
62	835308	Du lịch Quốc tế	3							x		
63	857426	Thực tế hướng dẫn du lịch 2	2							x		
64	857427	Thực tập tốt nghiệp	6								x	
Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế KLTN			10/10									
65	857499	Khóa luận tốt nghiệp	10								x	
66	857428	Quản lý an toàn cho du khách	2								x	
67	857429	Quản lý điểm đến du lịch	3								x	
68	857430	Văn hóa doanh nghiệp du lịch	3								x	
69	857431	Lập dự án kinh doanh du lịch	2								x	
Các học phần tự chọn			03/09									
70	835307	Kỹ năng thuyết trình -- thuyết minh	3						x			
71	857432	Kỹ năng hoạt náo trong du lịch	3						x			

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học kỳ thực hiện								Mã học phần học trước
				1	2	3	4	5	6	7	8	
72	835306	Kỹ năng đàm phán	3						x			
Chuyên ngành: Quản lý khách sạn – nhà hàng			44/50									
Các học phần bắt buộc			41/41									
73	857433	Tổng quan dịch vụ lưu trú	2					x				
74	835404	Quản trị kinh doanh khách sạn – nhà hàng	3					x				
75	857434	Quản lý ẩm thực	3						x			
76	857435	Quản lý dịch vụ giải trí du lịch	3						x			
77	857436	Quản trị dự án đầu tư khách sạn – nhà hàng	3						x			
78	857437	Nghiệp vụ Lễ tân	3						x			
79	857438	Nghiệp vụ nhà hàng	3							x		
80	857439	Nghiệp vụ buồng	3							x		
81	857440	Thực tập khách sạn - nhà hàng	2							x		
82	857427	Thực tập tốt nghiệp	6								x	
Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế KLTN			10/10									
83	857499	Khóa luận tốt nghiệp	10								x	
84	857441	Quản trị tài chính trong khách sạn – nhà hàng	2								x	
85	857442	Quản lý chất lượng dịch vụ khách sạn – nhà hàng	3								x	
86	857430	Văn hóa doanh nghiệp du lịch	3								x	
87	857431	Lập dự án kinh doanh du lịch	2								x	
Các học phần tự chọn			03/09									
88	857443	Nghiệp vụ chăm sóc khách hàng	3							x		

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học kỳ thực hiện								Mã học phần học trước	
				1	2	3	4	5	6	7	8		
89	857444	Nghiệp vụ Bar	3								x		
90	857445	Nghiệp vụ chế biến món ăn	3								x		
Tổng số tín chỉ (không kể số tín chỉ GD thể chất và GD quốc phòng – An ninh)			126										

16. Mô tả các học phần

01, 861301, Triết học Mác – Lênin (03 tín chỉ)

Chương một trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương hai trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm các vấn đề: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức. Chương ba trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm các vấn đề: hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người.

Triết học nghiên cứu vấn đề cơ bản: mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, những mối liên hệ phổ biến và những quy luật chung nhất của giới tự nhiên, xã hội, tư duy. Với vai trò là hạt nhân lý luận của thế giới quan, triết học giải quyết và cải tạo những vấn đề thực tiễn đặt ra trong thế giới.

02, 861302, Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (02 tín chỉ)

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học và nhận thức quan cách mạng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Nội dung gồm 6 chương, trong đó chương 1 bàn về: đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 bàn về những nội dung lý luận cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh mới. Cụ thể: Hành hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

03, 861303, Chủ nghĩa xã hội khoa học (02 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các chuyên ngành đào tạo.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cụ thể là: sự ra đời của CNXH khoa học; lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về xã hội XHCN và thời kì quá độ lên CNXH; về nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN; về cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên CNXH; về vấn đề dân tộc và tôn giáo trong tiến trình cách mạng XHCN; về vấn đề gia đình trong thời kì quá độ lên CNXH.

04, 861304, Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các chuyên ngành đào tạo.

Nội dung của học phần chủ yếu cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.

05, 861305, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (02 tín chỉ)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các chuyên ngành đào tạo.

Nội dung chủ yếu của môn học cung cấp những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng Sản Việt Nam, về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước đến xây dựng, phát triển đất nước trên các lĩnh vực an ninh quốc phòng, đối ngoại, kinh tế, chính trị, văn hóa- xã hội. Tìm hiểu, nghiên cứu việc xây dựng, hoạch định chủ trương đường lối cách mạng cho đến việc tổ chức thực hiện đường lối, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để chỉ đạo thực tiễn.

06, 865002, Cơ sở văn hóa Việt Nam (02 tín chỉ)

Môn học cung cấp những hiểu biết toàn diện và cơ bản về văn hoá và văn hoá Việt Nam bao gồm khái niệm văn hóa, đặc trưng, chức năng của văn hóa; loại hình văn hóa; các đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam; Chủ thể, thời gian và không gian văn

hóa Việt Nam; Các vùng văn hóa Việt Nam; các lớp văn hóa trong tiến trình văn hóa Việt Nam; Các thành tố của văn hoá gồm văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống tập thể, văn hoá tổ chức đời sống cá nhân, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội.

07, 865006, Pháp luật đại cương (02 tín chỉ)

Giới thiệu những vấn đề cơ bản về nhà nước, nguồn gốc nhà nước, chức năng và hoạt động của bộ máy nhà nước và nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Nghiên cứu những nội dung cơ bản của pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam.

Tìm hiểu các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật nhà nước (Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam); Các ngành luật nội dung như: Luật Hình sự, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình và ngành luật hình thức như Luật Tố tụng hình sự, Luật Tố tụng hành chính và Luật Tố tụng dân sự.

08, 866101, Tiếng Anh I (02 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh I sử dụng giáo trình TakeAway English 3 (từ bài 1 đến bài 5) giúp sinh viên luyện tập và phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh trong một số tình huống giao tiếp hàng ngày cũng như những tình huống thường gặp trong công việc.

Hướng dẫn và luyện cho sinh viên phát âm đúng từ vựng tiếng Anh, ngữ điệu câu. Ngoài ra, từng bước tạo phản xạ nhanh trong giao tiếp bằng tiếng Anh cho sinh viên thông qua việc yêu cầu sinh viên tham gia vào các tình huống giả định, những tiểu dự án nhằm tối đa hóa cơ hội sử dụng tiếng Anh.

Song song với việc phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên, học phần này giúp cho sinh viên tích lũy thêm những kiến thức về từ vựng, về văn hóa các nước sử dụng tiếng Anh, về ngữ pháp tiếng Anh và có thể vận dụng những kiến thức này trong giao tiếp tiếng Anh hàng ngày.

Trao đổi, hướng dẫn sinh viên về phương pháp học tiếng Anh, giúp sinh viên phát triển khả năng tự học sau những giờ lý thuyết, luyện tập trên lớp cùng giảng viên.

09, 866102, Tiếng Anh II (02 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh II thuộc nhóm Môn chung cấp độ 1 dành cho sinh viên các ngành trong trường Đại học Sài Gòn (ngoại trừ ngành ngôn ngữ Anh và Sư phạm Anh).

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp.

Về mặt kiến thức, sinh viên được cung cấp khối lượng từ vựng sử dụng hàng ngày liên quan đến các chủ đề như: *hoạt động từ thiện, sức khỏe, du lịch, quản lý quỹ thời gian, khám phá...* Ngoài ra, học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp, kiến thức về phát âm như trọng âm, ngữ điệu, và kiến thức liên quan đến việc phát triển kỹ năng sử dụng tiếng như kỹ năng đọc nhanh, kỹ năng đoán từ theo ngữ cảnh, kỹ năng nghe hiểu ý, cấu trúc từng loại văn bản cụ thể như cấu trúc một bức thư, email, blog....., cách sử dụng ngôn ngữ phù hợp ngữ cảnh.

Về mặt kỹ năng, học phần tập trung rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, trình bày quan điểm, thảo luận, hội thoại, và viết được những dạng văn bản thông thường như thư, email, blog, báo cáo ngắn và phát huy khả năng làm việc hợp tác thông qua các bài luyện tập trong lớp như hoạt động đôi, nhóm nhỏ, những hoạt động nhóm sau giờ học trong lớp.

10, 866103, Tiếng Anh III (03 tín chỉ)

Giúp sinh viên làm quen với hình thức bài thi PET. Tối đa hóa cơ hội luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết sử dụng tiếng Anh. Chuẩn bị cho sinh viên những kỹ năng làm bài thi PET.

Sau khi học xong học phần Tiếng Anh III, sinh viên tích lũy thêm những kiến thức ngữ pháp, từ vựng nâng cao; phát triển tốt hơn các kỹ năng sử dụng tiếng Anh; sinh viên nắm bắt được hình thức bài thi PET cũng như cách thức làm bài thi. Sinh viên học được những kỹ năng làm bài thi PET thông qua nhiều cơ hội luyện tập trên các bài thi kiểm tra các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ngay tại lớp và trong thời gian tự học.

11, 862101, Giáo dục thể chất I (01 tín chỉ)

Sinh viên được hướng dẫn thực hành về kỹ thuật nhảy dây, kỹ thuật và phương pháp chạy cự ly trung bình. Ngoài ra sinh viên hiểu được nội dung trong thể dục thể thao học đường, an toàn trong tập luyện và tác dụng cũng như ảnh hưởng khi tập luyện môn Điền kinh.

12, 862406, Giáo dục quốc phòng và an ninh I (03 tín chỉ)

Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quán triệt quan điểm

của Đảng về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Những hiểu biết về lịch sử nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng, các nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

13, 862407, Giáo dục quốc phòng và an ninh II (02 tín chỉ)

Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh giúp cho sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, về tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm người khác; về vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

14, 862408, Giáo dục quốc phòng và an ninh III (02 tín chỉ)

Học phần III: Quân sự chung nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự: chế độ sinh hoạt, học tập công tác ngày tuần; các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; điều lệnh đội ngũ từng người có súng; đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

15, 862409, Giáo dục quốc phòng và an ninh IV (04 tín chỉ)

Học phần IV: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật nhằm trang bị cho sinh viên hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng sử dụng một số loại lựu đạn và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

16, BOBA11, Bóng bàn 1 (01 tín chỉ)

Môn học giúp cho người học có kiến thức về sơ lược lịch sử bộ môn Bóng bàn, sinh viên được hướng dẫn thực hành kỹ thuật cơ bản Bóng bàn về cách cầm vợt, lúp bóng, giao bóng xoáy lên, xoáy xuống, gò bóng nhằm có kỹ năng Bóng bàn cơ bản, góp phần rèn luyện thân thể, tăng cường thể chất cho sinh viên.

17, BODA11, Bóng đá 1 (01 tín chỉ)

Bóng đá là môn học trong học phần tự chọn của chương trình Giáo dục Thể chất, chương trình học bắt buộc đối với sinh viên, mang tính điều kiện đủ khi xét tốt nghiệp.

Bóng đá là một môn thể thao đối kháng mang tính tập thể, có tính tổ chức, kỷ luật cao. Môn học trang bị cho người học kiến thức chung về môn bóng đá như: luật thi đấu, kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của bóng đá (bóng đá Futsal 5 người).

Ngoài ra, môn học cũng đáp ứng cho người học khối lượng tập luyện đủ để duy trì và phát triển nền tảng thể lực bằng các bài tập bổ trợ thể lực, cũng như các bài tập mang tính chuyên môn sâu.

18, BOCH11, Bóng chuyền 1 (01 tín chỉ)

Sinh viên được trang bị kiến thức về bóng chuyền: lịch sử hình thành và phát triển; thực hành kỹ năng ở mức độ cơ bản: chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng. Thông qua các buổi tập, sinh viên nắm được một số luật thi đấu cơ bản nhất (chương 4, chương 6, 7), tránh được một số lỗi cơ bản.

19, BORO11, Bóng rổ 1 (01 tín chỉ)

Bóng rổ là môn học trong học phần tự chọn của chương trình Giáo dục Thể chất trường đại học Sài Gòn, là chương trình học bắt buộc đối với sinh viên, mang tính điều kiện đủ khi xét tốt nghiệp.

Bóng rổ là một môn thể thao đồng đội mang tính đối kháng trực tiếp, có tính tổ chức, kỷ luật cao. Môn học trang bị cho người học kiến thức chung về môn bóng rổ như: luật thi đấu, kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của bóng rổ.

Ngoài ra, việc duy trì và tập luyện đủ sẽ giúp cho người tập phát triển các tố chất thể lực bằng các bài tập bổ trợ thể lực, cũng như các bài tập mang tính chuyên môn sâu.

20, CALO11, Cầu lông 1 (01 tín chỉ)

Sau khi học xong học phần cầu lông 1 sinh viên thực hiện được kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông như cầm vợt, cầu cầu, tư thế chuẩn bị môn cầu lông, phát cầu, đánh cầu cao sâu thuận tay, đỡ phát cầu, đánh cầu trái tay cao, kỹ thuật đập cầu, kỹ thuật chặn cầu trên lưới để sinh viên có điều kiện rèn luyện thân thể, duy trì, tăng cường thể lực để học tập tốt và công tác tốt sau này.

21, BOBA12, Bóng bàn 2 (01 tín chỉ)

Môn học giúp cho người học có kiến thức về kỹ thuật và luật thi đấu nhằm có kỹ năng Bóng bàn về kỹ thuật vạt bóng, gò bóng, bạt bóng, có sự hiểu biết chính xác về

luật thi đấu Bóng bàn. Ngoài ra, môn học còn nhằm góp phần rèn luyện thân thể, tăng cường thể chất cho sinh viên.

22, BODA12, Bóng đá 2 (01 tín chỉ)

Bóng đá là môn học trong học phần tự chọn của chương trình Giáo dục Thể chất, chương trình học bắt buộc đối với sinh viên, mang tính điều kiện đủ khi xét tốt nghiệp.

Bóng đá là một môn thể thao đối kháng mang tính tập thể, có tính tổ chức, kỷ luật cao. Môn học trang bị cho người học kiến thức chung về môn bóng đá như: luật thi đấu, kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của bóng đá và bóng đá Futsal (bóng đá 5 người).

Ngoài ra, môn học cũng đáp ứng cho người học khối lượng tập luyện đủ để duy trì và phát triển nền tảng thể lực bằng các bài tập bổ trợ thể lực, cũng như các bài tập mang tính chuyên môn sâu.

23, BOCH12, Bóng chuyền 2 (01 tín chỉ)

Sinh viên được trang bị kiến thức lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền; thực hành nâng cao các kỹ năng : chuyền hai, đệm bóng từ khu sau, phát bóng điều chỉnh. Thông qua các buổi đấu tập, sinh viên nắm được một số hoạt động thi đấu cơ bản nhất, tránh được một số lỗi cơ bản.

24, BORO12, Bóng rổ 2 (01 tín chỉ)

Bóng rổ là môn học trong học phần tự chọn của chương trình Giáo dục Thể chất trường đại học Sài Gòn, là chương trình học bắt buộc đối với sinh viên, mang tính điều kiện đủ khi xét tốt nghiệp.

Bóng rổ 2 sẽ giúp sinh viên hoàn thiện hơn về kỹ thuật cơ bản đã học, hướng dẫn cho sinh viên thực hiện về một số kỹ - chiến thuật cơ bản trong phòng thủ - tấn công của môn Bóng rổ: Kỹ thuật di chuyển dẫn bóng vượt qua chướng ngại vật và thực hiện hai bước lên rổ, kỹ thuật di chuyển chuyền – bắt bóng và thực hiện hai bước lên rổ, kỹ - chiến thuật trong phòng thủ và tấn công 1vs1, 2vs1, 3vs2.

Ngoài ra, việc duy trì và tập luyện đủ sẽ giúp cho người tập phát triển các tố chất thể lực bằng các bài tập bổ trợ thể lực, cũng như các bài tập mang tính chuyên môn sâu.

25, CALO12, Cầu lông 2 (01 tín chỉ)

Sau khi học xong học phần cầu lông 2 sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu môn cầu lông, một số luật thi đấu môn cầu lông, ôn tập củng cố các kỹ thuật cầu lông cơ bản, học mới các kỹ thuật cầu lông nâng cao để sinh viên có điều kiện rèn luyện thân thể, duy trì, tăng cường thể lực để học tập tốt và công tác tốt sau này.

26, Tổng quan du lịch (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về hoạt động du lịch du lịch, vai trò của du lịch trong phát triển kinh tế và những đặc trưng của du lịch Việt Nam. Qua đó, phân tích những thành tố cấu thành hoạt động du lịch nhằm khai thác các giá trị văn hóa trong kinh doanh du lịch. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu các sản phẩm du lịch đặc trưng ở những địa bàn trọng điểm thuộc các vùng du lịch Việt Nam. Qua đó, sinh viên hiểu được cơ cấu của ngành du lịch và những yêu cầu cần thiết của người làm du lịch trong tương lai.

27, Tiến trình lịch sử Việt Nam (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy cho tới ngày nay. Qua đó, giúp sinh viên nhận diện, so sánh, phân loại được các sự kiện lịch sử, các thời kỳ lịch sử Việt Nam theo tiến trình lịch sử từ nguồn gốc đến hiện đại. Bồi dưỡng thái độ biết trân trọng những giá trị văn hóa của lịch sử Việt Nam, qua đó có ý thức bảo tồn những giá trị truyền thống dân tộc.

28, Địa lý du lịch Việt Nam (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận và thực tiễn về địa lý du lịch Việt Nam. Cung cấp bộ công cụ giúp sinh viên nắm vững bản chất đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của khoa học Địa lý du lịch. Đồng thời cung cấp kiến thức về tài nguyên du lịch của các vùng du lịch Việt Nam. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên hệ thống được kiến thức về tiềm năng du lịch và thực trạng phát triển du lịch của các vùng và trung tâm du lịch Việt Nam. Từ đó, phát huy và vận dụng vào quá trình xây dựng các hệ thống tuyến, điểm du lịch đặc trưng theo lãnh thổ.

29, Kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hiểu biết về lịch sử kiến trúc, mỹ thuật của Việt Nam qua các giai đoạn. Nhận diện các giá trị kiến trúc, mỹ thuật Việt Nam trên các công trình, tác phẩm. Trên cơ sở đó, vận dụng vào thuyết minh tại điểm phục vụ cho chuyên quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành.

30, Phong tục, tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam (03 tín chỉ)

Học phần giới thiệu một số phong tục tập quán của người Việt và các dân tộc thiểu số khác. Học phần còn cung cấp cho người học những kiến thức về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam; vai trò tích cực và tiêu cực của tôn giáo – tín ngưỡng trong sự phát triển của xã hội.

Với những kiến thức học được từ học phần này, sinh viên có thể nhận diện, giải thích những phong tục truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam với tư cách là một hướng dẫn viên du lịch tại các công ty lữ hành hoặc là những chuyên viên trong các cơ quan quản lý văn hóa.

31, Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Du lịch (02 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học; những vấn đề chung về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học cũng như biết cách xây dựng đề cương nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu, viết báo cáo kết quả nghiên cứu, công bố kết quả nghiên cứu.

32, Văn bản quy phạm pháp luật trong du lịch (02 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật. Từ đó giúp sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về du lịch. Ngoài ra, học phần cung cấp các quy định về việc sử dụng tài nguyên và kinh doanh dịch vụ du lịch, giúp sinh viên có nhận thức pháp luật trong lĩnh vực du lịch.

33, Thực tế chuyên môn (01 tín chỉ)

Học phần củng cố và hình thành cho người học những kiến thức thực tế về lịch sử, văn hóa, di tích, danh thắng, tuyến điểm du lịch, hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch ở khu vực Đông Nam Bộ. Từ đó sinh viên có thể vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp ngành du lịch sau khi ra trường.

34, Phát triển du lịch bền vững (02 tín chỉ)

Học phần này giới thiệu tổng quan về du lịch, môi trường và phát triển bền vững. Cung cấp bộ công cụ đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch của một vùng lãnh thổ. Từ đó, áp dụng để nghiên cứu phát triển du lịch bền vững tại các vùng sinh thái đặc trưng.

35, Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch (03 tín chỉ)

Học phần *Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch* cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về tâm lý học, các phương pháp nghiên cứu tâm lý học. Trên cơ sở đó, sinh viên hiểu được quy luật tâm lý diễn tiến trong cá nhân, dưới tác động của tâm lý xã hội. Không những vậy, học phần giúp cho sinh viên nhận biết được vai trò của tâm lý học trong hoạt động kinh doanh du lịch. Mặt khác, tâm lý khách du lịch sẽ chịu ảnh hưởng bởi văn hóa, môi trường, điều kiện tự nhiên ... Vì vậy, học phần sẽ cung cấp cái

nhìn tổng quan về chân dung tâm lý khách du lịch các nước trên thế giới. Từ đó, sinh viên sẽ hình thành được những kỹ năng cần thiết để vận hành các hoạt động kinh doanh du lịch. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho người học những kiến thức về giao tiếp nói chung, kỹ năng giao tiếp trong du lịch nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng vào trong hoạt động kinh doanh du lịch.

36, Văn hóa ẩm thực (03 tín chỉ)

Học phần *Văn hoá ẩm thực* cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về ẩm thực Việt Nam và một số nước trên thế giới như Trung Hoa, Nhật bản, Hàn quốc, Pháp, Ý, Mỹ. Trên cơ sở đó khai thác những giá trị của loại hình văn hoá ẩm thực này để phát triển du lịch.

37, Lịch sử văn minh thế giới (03 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về điều kiện hình thành nền văn minh, giới thiệu trình độ phát triển kinh tế và phân hóa xã hội, sơ lược lịch sử thành lập và cấu trúc của Nhà nước, những học thuyết chính trị, quan điểm triết học và các tôn giáo lớn cùng những thành tựu khoa học tự nhiên, kỹ thuật và văn học nghệ thuật.

38, Các dân tộc Việt Nam (03 tín chỉ)

Học phần giới thiệu những khái niệm cơ bản (*Dân tộc học, Nhân học, Dân tộc, Tộc người, Quốc gia dân tộc...*), những kiến thức cơ bản về đặc điểm của các tộc người (dân tộc) và các vùng tộc người ở Việt Nam; những kiến thức cơ bản và phương pháp nghiên cứu Dân tộc học về một tộc người; có khả năng vận dụng các kiến thức về các tộc người và vùng tộc người vào công việc hướng dẫn du lịch, xây dựng các dự án phát triển du lịch ở các tộc người, vùng miền núi và dân tộc thiểu số; bước đầu làm quen với việc nghiên cứu các tộc người.

39, Văn hóa dân gian Việt Nam (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa dân gian, những đặc trưng cơ bản, các nguyên tắc, phương pháp và quan điểm khoa học trong nghiên cứu văn hóa dân gian. Tìm hiểu về nguồn gốc phương thức sáng tạo những đặc trưng cơ bản của văn hóa dân gian, các loại hình của văn hóa dân gian. Từ đó người học nhận thức được vai trò của các giá trị văn hóa dân gian để có ý thức bảo vệ, giữ gìn và phát huy các giá trị ấy trong thời kỳ hiện nay.

40, Văn hóa du lịch (03 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

- Những vấn đề lý luận cơ bản của văn hoá du lịch như các khái niệm chủ yếu ;
- Các tài nguyên văn hoá và di sản văn hoá chủ yếu được khai thác trong du lịch.
- Các loại hình du lịch văn hoá và các sản phẩm du lịch văn hoá chủ yếu.
- Những yêu cầu, nguyên tắc tổ chức, quản lý, khai thác các giá trị văn hoá dân tộc, văn hoá nhân loại vào các hoạt động kinh doanh du lịch. Văn hoá và sự phát triển du lịch bền vững. Phát huy giá trị văn hoá dân tộc trong hội nhập và phát triển thông qua hoạt động du lịch.

41, Văn hóa Phương Đông – Phương Tây (03 tín chỉ)

Môn học trang bị những hiểu biết toàn diện và cơ bản về văn hóa phương Đông-phương Tây bao gồm: đặc điểm hai loại hình văn hóa trọng tĩnh và trọng động; tư tưởng triết học phương Đông – phương Tây; tính cách văn hoá của người phương Đông – phương Tây; đặc điểm, thành tựu của một số nền văn hóa – văn minh ở phương Đông và phương Tây; những biểu hiện văn hoá phương Đông – phương Tây trong giao lưu với văn hoá Việt Nam.

42, Marketing du lịch (03 tín chỉ)

Marketing du lịch cung cấp kiến thức về thị trường, hình thành các kỹ năng quản trị marketing (Nghiên cứu, lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát các hoạt động marketing tại các điểm, đô thị và doanh nghiệp du lịch). Học phần gồm 4 chương từ các vấn đề cơ bản của Marketing đến nghiên cứu và vận dụng Marketing trong du lịch. Trong bài giảng có sử dụng case study từ các doanh nghiệp để SV thảo luận, vận dụng vào thực tiễn khi đi thực tập tại doanh nghiệp.

43, Kinh tế du lịch (03 tín chỉ)

Môn học Kinh tế Du lịch cung cấp hệ thống kiến thức kinh tế dịch vụ ngành du lịch. Mục tiêu chung của học phần là giúp người học có kiến thức, kỹ năng và thái độ về lĩnh vực kinh tế du lịch. Môn học giúp tạo và phát triển năng lực làm kinh tế du lịch cho người học, hiểu rõ các hiện tượng, quy luật và bản chất của kinh tế du lịch góp phần làm giàu thêm kiến thức, kỹ năng chuyên ngành ngành cho sinh viên.

Môn học được tổ chức bằng các bài giảng, và các hoạt động hướng dẫn thảo luận, thuyết trình và tự nghiên cứu cho người học. Trong các buổi học lý thuyết, giảng viên làm rõ các mô hình làm kinh tế du lịch khác nhau, và sẽ được sử dụng để làm đề tài thảo

luận, nghiên cứu học tập cho sinh viên, theo cách hệ thống hóa kiến thức chuyên ngành, gồm các nội dung chính sau đây:

- Định nghĩa và các khái niệm cùng các yếu tố cơ bản của cỗ máy kinh tế du lịch như nhu cầu, mức cầu, mong muốn và các mức độ cung cấp sản xuất hàng hóa dịch vụ du lịch, thị trường du lịch, việc làm lao động trong ngành du lịch, chiến lược giá cả cùng các yếu tố ảnh hưởng đến giá cả dịch vụ, chiến lược xây dựng sản phẩm du lịch, quy hoạch và kiểm soát phát triển dự án du lịch.

- Giới thiệu về các vấn đề về đặc điểm của khách du lịch và xu hướng tiêu dùng du lịch trong kỷ nguyên mới.

- Phân tích các tác động của ngành du lịch đến các thành phần kinh tế quốc gia và quốc tế.

- Tính toán các chỉ số kinh tế du lịch như: tăng trưởng bình quân, công suất phòng, chi tiêu bình quân của khách du lịch, tính nhu cầu lao động cần có, số phòng cần đầu tư, chỉ số ICOR trong đầu tư du lịch...

- Tác động của các chính sách kinh tế du lịch do chính phủ thực hiện đối với tổng thể hiệu suất của nền kinh tế quốc dân.

44, Hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam (03 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về hệ thống di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng Việt Nam. Qua học phần này, sinh viên có thể thuyết trình, thuyết minh những điểm di tích trên tuyến điểm đó. Sinh viên có ý thức trân trọng, yêu quý và bảo vệ những di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng Việt Nam.

45, Quản trị nguồn nhân lực du lịch (03 tín chỉ)

Học phần *Quản trị nguồn nhân lực du lịch* trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực du lịch nói riêng. Hơn nữa, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức về quản lý nguồn nhân lực, vận hành và quy trình tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên. Trên cơ sở đó, những kỹ năng cần thiết cho tổ chức và hoạch định nhân sự cũng được trang bị một cách có hệ thống.

46, Quản trị rủi ro trong du lịch (02 tín chỉ)

Học phần quản trị rủi ro trong du lịch cung cấp cái nhìn tổng quan về hoạt động quản trị rủi ro trong lĩnh vực du lịch như lịch sử phát triển và quan điểm về quản trị rủi ro; các khái niệm liên quan đến rủi ro và quản trị rủi ro; nội dung của quản trị rủi ro và

quản trị rủi ro trong lĩnh vực du lịch; nội dung và phương pháp nhận dạng, phân tích, đo lường, kiểm soát và tài trợ rủi ro trong du lịch; quản trị rủi ro nhân lực và quản trị rủi ro tài sản trong hoạt động kinh doanh du lịch.

47, Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1 (03 tín chỉ)

Trong lĩnh vực khách sạn và ngành công nghiệp du lịch, các kỹ năng về tiếng Anh là cần thiết cho yêu cầu hằng ngày cũng như trong công việc. Môn học giúp sinh viên làm quen với môi trường giao tiếp tại những công ty lữ hành. Sinh viên sẽ được thực tập kỹ năng nói trong công việc như bán tour sản phẩm, cách thuyết phục khách hàng chọn sản phẩm của công ty. Giảng viên sẽ đưa ra nhiều tình huống thực tế để sinh viên giải quyết. Sinh viên sẽ tham dự giải quyết những tình huống với tư cách là nhà quản lý. Trong những tình huống đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn cách sử dụng ngôn ngữ khi thuyết phục khách hàng hay thương lượng với đối tác. Sinh viên thảo luận những đoạn đối thoại dựa trên những gợi ý tình huống cụ thể trong từng bài.

48, Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2 (03 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên làm quen với từ vựng thiết kế đến nhu cầu ăn uống trong trao đổi du lịch và làm việc một cách chuyên nghiệp. Sinh viên sẽ được thực tập kỹ năng nói trong công việc như bán tour sản phẩm, cách thuyết phục khách hàng chọn sản phẩm của công ty. Giảng viên sẽ đưa ra nhiều tình huống thực tế để sinh viên giải quyết. Sinh viên sẽ tham dự giải quyết những tình huống với tư cách là nhà quản lý. Trong những tình huống đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn cách sử dụng ngôn ngữ khi thuyết phục khách hàng hay thương lượng với đối tác. Sinh viên thực hành những đoạn đối thoại dựa trên những gợi ý tình huống cụ thể trong từng bài.

49, Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 3 (03 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên – những người làm việc trong ngành Du lịch – sự chuẩn bị tốt nhất cho môi trường giao tiếp tại những công ty lữ hành. Sinh viên sẽ được thực tập kỹ năng nói trong công việc như bán tour sản phẩm, cách thuyết phục khách hàng chọn sản phẩm của công ty. Giảng viên sẽ đưa ra nhiều tình huống thực tế để sinh viên giải quyết. Sinh viên sẽ tham dự giải quyết những tình huống với tư cách là nhà quản lý. Trong những tình huống đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn cách sử dụng ngôn ngữ khi thuyết phục khách hàng hay thương lượng với đối tác. Sinh viên thực hành những đoạn đối thoại dựa trên những gợi ý tình huống cụ thể trong từng bài.



50, Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 4 (03 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên – những người làm việc trong ngành Du lịch – sự chuẩn bị tốt nhất cho môi trường giao tiếp tại những công ty lữ hành. Sinh viên sẽ được thực tập kỹ năng nói trong công việc như bán tour sản phẩm, cách thuyết phục khách hàng chọn sản phẩm của công ty. Giảng viên sẽ đưa ra nhiều tình huống thực tế để sinh viên giải quyết. Sinh viên sẽ tham dự giải quyết những tình huống với tư cách là nhà quản lý. Trong những tình huống đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn cách sử dụng ngôn ngữ khi thuyết phục khách hàng hay thương lượng với đối tác. Sinh viên thực hành những đoạn đối thoại dựa trên những gợi ý tình huống cụ thể trong từng bài.

51, Tổ chức sự kiện du lịch (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về các nguyên lý và kỹ năng tổ chức sự kiện. Hơn nữa, học phần trang bị cho người học tổng quan về tổ chức sự kiện; cách xác định mục tiêu và xây dựng kế hoạch chi tiết với dự toán ngân sách cụ thể. Không những vậy, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức nhằm tìm kiếm và xây dựng kế hoạch tài trợ, dự đoán và kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tổ chức sự kiện. Với những kiến thức nền tảng như vậy, sinh viên có khả năng lên ý tưởng và tổ chức các sự kiện với nhiều cấp độ khác nhau, đặc biệt trong hoạt động du lịch.

52, Ứng dụng CNTT trong du lịch (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nâng cao về một số ứng dụng office được sử dụng phổ biến nhất của Microsoft. Sinh viên có khả năng vận dụng vào công việc cụ thể. Không những vậy, sinh viên còn được trang bị những khối kiến thức liên quan đến các hệ thống thông tin được sử dụng trong ngành du lịch nói chung. Đồng thời, sinh viên sẽ được thực hành trên phần mềm mô phỏng quản lý khách sạn từ cấu hình cho đến vận hành từng chức năng cụ thể.

53, Du lịch sinh thái (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận và thực tiễn của du lịch sinh thái tại Việt Nam. Cung cấp bộ công cụ xây dựng và quy hoạch du lịch sinh thái mang tính bền vững. Đồng thời cung cấp kiến thức về các vùng du lịch sinh thái đặc trưng của Việt Nam. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có kiến thức đa dạng về các loại hình du lịch để phát huy và vận dụng vào quá trình xây dựng các chương trình du lịch phù hợp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của từng đối tượng khách.

54, Du lịch MICE (03 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về du lịch MICE, kết hợp giữa du lịch và hội nghị, hội thảo, khen thưởng, triển lãm. Môn học trang bị các kiến thức liên quan đến tổ chức loại hình du lịch MICE, kinh doanh du lịch MICE, đánh giá hiệu quả hoạt động du lịch MICE và các xu hướng phát triển du lịch MICE trong nước và trên thế giới. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng sáng tạo, thực hiện công tác tổ chức sự kiện và du lịch MICE trong thực tiễn.

55, Tuyển điểm du lịch 1 (03 tín chỉ)

Cung cấp những hiểu biết toàn diện và cơ bản về điểm và tuyến du lịch bao gồm cơ sở nhận thức, địa danh và tuyến điểm ở các vùng du lịch Việt Nam, phương pháp xây dựng tuyến điểm du lịch.

56, Thực tế hướng dẫn du lịch 1 (02 tín chỉ)

Học phần củng cố và hình thành cho người học những kiến thức thực tế về lịch sử, văn hóa, danh thắng, tuyến điểm du lịch, hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch khu vực Tây Nam Bộ. Từ đó sinh viên có thể vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp ngành lữ hành sau khi ra trường.

57, Tuyển điểm du lịch 2 (03 tín chỉ)

Cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về địa danh và tuyến du lịch quốc tế bao gồm: các khái niệm và thuật ngữ liên quan đến tuyến điểm du lịch.

58, Quản trị kinh doanh lữ hành (03 tín chỉ)

Quản trị kinh doanh lữ hành cung cấp khối kiến thức chuyên ngành về quản lý kinh doanh dịch vụ tổ chức chuyên đi du lịch (tour) của doanh nghiệp kinh doanh du lịch bao gồm các vấn đề về quản lý nhân sự, thiết kế và điều hành chương trình du lịch, môi trường kinh doanh lữ hành, tổ chức xúc tiến hỗn hợp, bán và thực hiện chương trình du lịch, chất lượng dịch vụ lữ hành, xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh lữ hành.

59, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (04 tín chỉ)

Môn học Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch cung cấp hệ thống kiến thức nghiệp vụ chuyên môn thiết yếu để làm nghề hướng dẫn viên du lịch (HDVDL).

Mục tiêu chung của học phần là giúp người học để tiếp cận khối kiến thức nghiệp vụ quan trọng của nghề HDVDL;

Môn học có vai trò cung cấp kiến thức nghiệp vụ hướng dẫn du lịch để hoàn thiện thêm năng lực và cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên theo học ngành Du lịch.

60, Quản lý phát triển sản phẩm du lịch (02 tín chỉ)

Học phần quản lý phát triển sản phẩm du lịch cung cấp cái nhìn tổng quan về sản phẩm du lịch như khái niệm, đặc trưng, các thành phần, chu kỳ sống của sản phẩm du lịch; các nguyên tắc và tiêu chí về phát triển sản phẩm du lịch; một số mô hình du lịch tiêu biểu trên thế giới, một số sản phẩm du lịch đặc trưng tại Việt Nam; xu hướng lựa chọn sản phẩm du lịch trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay; các nội dung quản lý phát triển sản phẩm du lịch như: xây dựng sản phẩm du lịch mới, hình thành và phát triển sản phẩm du lịch, tạo thương hiệu cho sản phẩm du lịch, hoạch định, phân tích và quản lý sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, chiến lược marketing sản phẩm du lịch, cơ chế chính sách về phát triển sản phẩm du lịch và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch.

61, Thiết kế và điều hành chương trình du lịch (03 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức tour du lịch, phương pháp định giá tour, hoạt động marketing và bán tour du lịch...; nhằm giúp người học có được kiến thức và kỹ năng trong xây dựng, thực hiện và quản lý các tour du lịch.

62, Du lịch quốc tế (03 tín chỉ)

Môn học Du lịch quốc tế cung cấp hệ thống kiến thức thiết yếu liên quan đến lý thuyết và nghiệp vụ tổ chức vận hành khai thác du lịch quốc tế (inbound và outbound) trong hoạt động kinh doanh du lịch.

Vai trò của học phần là củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành du lịch giúp sinh viên tích lũy khối kiến thức quản lý khai thác kinh doanh du lịch quốc tế, xúc tiến du lịch nước ngoài và tiếp nhận khách du lịch nước ngoài vào Việt Nam.

63, Thực tế hướng dẫn du lịch 2 (02 tín chỉ)

Học phần củng cố và hình thành cho người học những kiến thức thực tế về lịch sử, văn hóa, danh thắng, tuyến điểm du lịch, hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch trên địa bàn Tây Nguyên và các tỉnh duyên hải Trung Bộ, Bắc Bộ. Từ đó sinh viên có thể vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp ngành lữ hành sau khi ra trường.

64, Thực tập tốt nghiệp (06 tín chỉ)

Thực tập là học phần quan trọng (bắt buộc) và trong chương trình đào tạo bậc đại học được hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát bởi Khoa Quan hệ quốc tế, Đơn vị tiếp nhận SVTT và Sinh viên.

Thực tập là thời gian tạo ra nhiều cơ hội tuyệt vời cho sinh viên tìm hiểu môi trường hoạt động nghề nghiệp, thực hành ứng dụng kiến thức và phát triển kỹ năng cũng như xây dựng mối quan hệ nền tảng ngành cho sinh viên trước khi tốt nghiệp.

Thực tập cũng tạo cơ hội tốt cho các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp tiếp nhận và tìm kiếm nguồn nhân lực phù hợp. Nó giúp phát hiện những tài năng trẻ và cơ hội tuyển chọn nhân tài đa dạng, nhanh chóng, phong phú và hiệu quả khi gặp những sinh viên ưu tú, nhiệt tình và thông minh.

Thực tập sẽ giúp cho Nhà trường tiếp cận với nhu cầu đào tạo một cách bài bản và sát thực tiễn, và để làm cơ sở điều chỉnh và phát triển nội dung chương trình đào tạo kịp thời có giá trị cao cho xã hội.

65, Quản lý và hướng dẫn an toàn cho khách du lịch (02 tín chỉ)

Cung cấp những tổng hợp các hệ thống kiến thức cơ bản và nâng cao về nghiệp vụ quản lý an toàn cho khách du lịch trong chuyến đi.

66, Quản lý điểm đến du lịch (03 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý điểm đến du lịch bao gồm khái quát về điểm đến du lịch, tổ chức quản lý điểm đến du lịch và các nội dung quản lý điểm đến du lịch: chiến lược và quy hoạch phát triển điểm đến, marketing điểm đến và quản lý chất lượng điểm đến du lịch.

67, Văn hóa doanh nghiệp du lịch (03 tín chỉ)

Học phần Văn hoá doanh nghiệp du lịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hoá doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch, vận dụng vào nhìn nhận thực tiễn xã hội và chuẩn bị cho bản thân những điều kiện và chuẩn mực đạo đức cần thiết để có thể tham gia vào môi trường thực tiễn của doanh nghiệp nói chung và tham gia vào các doanh nghiệp du lịch nói riêng.

68, Lập dự án kinh doanh du lịch (02 tín chỉ)

Môn học Lập dự án kinh doanh du lịch cung cấp hệ thống kiến thức quan trọng cho quá trình nghiên cứu lập dự án kinh doanh du lịch căn bản nhất.

69, Kỹ năng thuyết trình – thuyết minh (03 tín chỉ)

Học phần sẽ trang bị cho sinh viên những khái niệm về thuyết trình, thuyết minh một cách tổng quan và hệ thống. Sinh viên sẽ được rèn luyện các kỹ thuật trong thuyết trình, thuyết minh như kỹ thuật quản lý cảm xúc, kỹ thuật mở đầu, kỹ thuật chuyển đoạn, kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ hình thể, kỹ thuật sử dụng các thiết bị, phương tiện hỗ trợ... Không những vậy, học phần sẽ giúp sinh viên định hình phong cách thuyết trình, thuyết minh với những câu hỏi trắc nghiệm tâm lý.

70, Kỹ năng hoạt náo trong du lịch (03 tín chỉ)

Học phần *Kỹ năng hoạt náo trong du lịch* cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hoạt náo trong lĩnh vực du lịch, trò chơi và quy trình tổ chức trò chơi. Đồng thời học phần cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng tổ chức thực hiện một số trò chơi phổ biến được ứng dụng trong hoạt động du lịch. Trên cơ sở đó, sinh viên hình thành được kỹ năng và thái độ tự tin khi tiếp xúc và tổ chức trò chơi cho nhiều loại hình khách du lịch.

71, Kỹ năng đàm phán (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những lý thuyết về đàm phán, thương lượng, những phương pháp giải quyết xung đột, mâu thuẫn. Đồng thời, học phần giúp người học nhận biết được vai trò của đàm phán, thương lượng trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong ký kết hợp đồng thương mại. Không những vậy, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đàm phán cũng được cung cấp. Đây là cơ sở để tạo dựng bầu không khí đàm phán thuận lợi.

72, Tổng quan dịch vụ lưu trú (02 tín chỉ)

Học phần quản trị dịch vụ lưu trú cung cấp cái nhìn tổng quan về ngành lưu trú, các loại hình kinh doanh lưu trú, sản phẩm lưu trú, khái quát công tác tổ chức và quản lý các hoạt động của một số cơ sở lưu trú như: khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, làng du lịch, bãi cắm trại du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch và nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.

73, Quản trị kinh doanh khách sạn – nhà hàng (03 tín chỉ)

Quản trị kinh doanh khách sạn – nhà hàng cung cấp khối kiến thức chuyên ngành về quản lý khách sạn, nhà hàng liên quan đến cơ sở vật chất, nhân sự, tổ chức hoạt động phục vụ, thị trường, khách hàng và chất lượng dịch vụ.

74, Quản lý ẩm thực (03 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về ngành dịch vụ ẩm thực, cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà hàng, công tác quản lý nhân sự, kiến thức tổng quan về thức ăn và thức uống, quy trình tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ ẩm thực, công tác quản trị tiệc hội nghị, công tác kiểm soát chi phí, quản lý doanh thu và duy trì lợi nhuận.

75, Quản lý dịch vụ giải trí du lịch (03 tín chỉ)

Học phần Quản trị dịch vụ giải trí du lịch cung cấp khối kiến thức cơ bản về khung quản lý các loại hình dịch vụ giải trí cho khách du lịch. Nó giúp sinh viên mở rộng kiến thức liên quan đến tổ chức, quản lý, và khai thác các loại hình dịch vụ du lịch hiện nay.

76, Quản trị dự án đầu tư khách sạn - nhà hàng (03 tín chỉ)

Quản trị dự án đầu tư khách sạn cung cấp khối kiến thức về khung chiến lược phân tích đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn giúp người học có khả năng nghiên cứu, phân tích, lập và quản lý dự án đầu tư khách sạn.

77, Nghiệp vụ lễ tân (03 tín chỉ)

Học phần Nghiệp vụ lễ tân khách sạn bao gồm 7 chương xoay quanh những kiến thức và nghiệp vụ về lễ tân trong môi trường khách sạn quốc tế. Bên cạnh những khối kiến thức về lý thuyết liên quan đến lễ tân, giao tiếp quốc tế, môn học còn cung cấp cho người học những nội dung liên quan đến nghiệp vụ lễ tân như giao tiếp, nhận đặt phòng, nhận phòng và đăng ký, phục vụ khách lưu trú, trả phòng và thanh toán, bán hàng và tiếp thị. Sau khi học xong, người học có được khối kiến thức cũng như những kỹ năng nghiệp vụ cần thiết để có thể sẵn sàng tham gia vào những công việc có liên quan.

78, Nghiệp vụ nhà hàng (03 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho người học giúp học viên có cái nhìn khái quát về ngành phục vụ ăn uống, thực phẩm, hiểu rõ và thao tác thuần thục kỹ năng cũng như quy trình phục vụ khách, kiểu Á lẫn kiểu Âu.

Môn học được thiết kế gồm 2 phần:

- Phần lý thuyết: Phần lý thuyết bao gồm các chương được thiết kế theo cách tiếp cận thực tế bao gồm kiến thức liên quan các khái niệm, định nghĩa và thuật ngữ cơ bản liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác chuẩn bị phục vụ, quy trình và tiêu chuẩn trong việc phục vụ thức ăn và đồ uống trong nhà hàng.

- Phân thực hành: Bao gồm 12 công việc theo Bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề Việt Nam VTOS giúp cho sinh viên tiếp cận kỹ năng nghề tiên tiến và có thể hòa nhập vào môi trường làm việc thực tế sau khi tốt nghiệp; các quy trình và các kỹ thuật phục vụ.

79, Nghiệp vụ buồng (03 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị hệ thống kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ chuyên biệt cho sinh viên chuyên ngành khách sạn bao gồm hiểu biết tổng quan về bộ phận buồng trong khách sạn, chức năng và nhiệm vụ của từng chức danh trong bộ phận buồng; kiến thức về trang thiết bị và dụng cụ vệ sinh, đồ vải; các quy trình phục vụ của bộ phận buồng.

80, Thực tập khách sạn - nhà hàng (02 tín chỉ)

Học phần Thực tập khách sạn trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành thực tế tại khách sạn như cơ cấu tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập, các nghiệp vụ cơ bản của khách sạn, nhà hàng. Từ đó sinh viên có thể vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp ngành lưu trú sau khi ra trường.

81, Quản trị tài chính trong khách sạn - nhà hàng (02 tín chỉ)

Học phần quản trị tài chính trong khách sạn - nhà hàng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính nói chung và quản trị tài chính trong khách sạn - nhà hàng nói riêng. Học phần cung cấp thêm những kiến thức để phân tích và đánh giá tình hình tài chính của khách sạn - nhà hàng như quản trị nguồn vốn cố định, nguồn vốn lưu động và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn; quản trị dòng tiền, quản trị chi phí, doanh thu và lợi nhuận; phân tích báo cáo tài chính và hiệu quả kinh doanh của khách sạn - nhà hàng.

82, Quản lý chất lượng dịch vụ khách sạn - nhà hàng (03 tín chỉ)

Học phần Quản lý chất lượng dịch vụ khách sạn - nhà hàng trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chất lượng dịch vụ nói chung và chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực khách sạn - nhà hàng nói riêng. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quản trị chất lượng giúp sinh viên phân tích, đánh giá, đề xuất giải pháp đảm bảo, cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ trong khách sạn - nhà hàng. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên tiếp cận một số hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ phổ biến.

83, Nghiệp vụ chăm sóc khách hàng (03 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ chăm sóc khách hàng. Học phần bao gồm các vấn đề cơ bản về nghiệp vụ chăm sóc

khách hàng như tổng quan về khách hàng, phân loại khách hàng, tâm lý và nhu cầu của khách hàng, vai trò, nhiệm vụ và yêu cầu của nhân viên chăm sóc khách hàng; các vấn đề về quản trị quan hệ khách hàng; xây dựng chiến lược chăm sóc khách hàng; xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu khách hàng; quản lý xung đột với khách hàng và tổ chức hệ thống chăm sóc khách hàng.

84, Nghiệp vụ bar (03 tín chỉ)

Môn học Nghiệp vụ Bar cung cấp hệ thống kiến thức nghiệp vụ chuyên môn nghiệp vụ thiết yếu cho nghề Bartender. Mục tiêu chung của học phần là giúp người học để tiếp cận khối kiến thức nghiệp vụ quan trọng của nghề Bartender.

85, Nghiệp vụ chế biến món ăn (03 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ẩm thực Châu Âu và Châu Á, từ đó giúp sinh viên so sánh được đặc trưng, văn hóa ẩm thực của các khu vực trên thế giới. Học phần giúp sinh viên tiếp cận và rèn luyện kỹ thuật chế biến các món ăn tiêu biểu của từng quốc gia, địa phương.

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH

TS. Nguyễn Thanh Tân

TS. Tạ Quang Trung



PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

